

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

**PHƯƠNG ÁN
CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MỘT
THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ TỈNH
SÓC TRĂNG**

TỔ CHỨC TƯ VẤN



**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI
THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH TP.HCM**

Địa chỉ: Lầu 1 và Lầu 7, Tòa nhà Green Star, 70 Phạm Ngọc Thạch, P.6, Q.3,
Tp.HCM

Điện thoại: (028) 38 200 751 Fax: (028) 38 200 771

Website: www.vchs.com.vn

Sóc Trăng, Tháng 6/2017



MỤC LỤC

PHẦN I: TÌNH HÌNH CHUNG CỦA CÔNG TY TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA.....6

I. GIỚI THIỆU CHUNG6

1. Cơ sở pháp lý của việc cổ phần hóa:.....6

2. Ban chỉ đạo cổ phần hóa:8

3. Tổ giúp việc cổ phần hóa9

4. Đơn vị kiểm toán.....10

5. Đơn vị xác định giá trị doanh nghiệp.....10

6. Đơn vị tư vấn lập phương án cổ phần hóa10

7. Thuật ngữ và từ viết tắt11

II. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA.....12

1. Giới thiệu về doanh nghiệp12

2. Ngành nghề kinh doanh.....12

3. Quá trình hình thành và phát triển, các thành tích đạt được.14

3.1. Quá trình hình thành và phát triển14

4. Cơ cấu tổ chức16

4.1. Sơ đồ tổ chức16

5. Các tổ chức chính trị xã hội.....17

6. Danh sách công ty mẹ, công ty con của Công ty.....18

7. Tình hình lao động18

8. Tài sản Vốn kinh doanh tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.....19

8.1. Tài sản kinh doanh Phân theo cơ cấu vốn19

8.2. Phân theo nguồn vốn19

9. Tình hình tài sản của doanh nghiệp20

10. Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp 3 năm trước cổ phần hóa20

10.1. Các hoạt động kinh doanh chính của Công ty20

10.2. Chính sách giá.....26

10.3. Nguồn nguyên vật liệu26

10.4. Thị trường của Công ty27



10.5. Chi phí, doanh thu, lợi nhuận giai đoạn 2013-2016	27
10.6. Hoạt động đầu tư vào công ty con, công ty liên kết	29
10.7. Hoạt động Marketing	29
10.8. Trình độ công nghệ	29
10.9. Tình hình nghiên cứu phát triển sản phẩm mới	29
10.10. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ	29
10.11. Thuế và nộp ngân sách Nhà nước	29
10.12. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	30
10.13. Tổng hợp kết quả hoạt động SXKD trước cổ phần hóa	30
10.14. Vị thế của doanh nghiệp trong ngành	31
10.15. Triển vọng phát triển của ngành	31
11. Tình hình đất đai doanh nghiệp đang quản lý và sử dụng	32
11.1. Hiện trạng sử dụng đất	32
11.2. Đánh giá về tình hình sử dụng đất	32
III. GIÁ TRỊ THỰC TẾ CỦA DOANH NGHIỆP VÀ GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHÂN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP	34
PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA	38
I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU VÀ HÌNH THỨC CỔ PHẦN HÓA	38
1. Mục tiêu cổ phần hóa	38
2. Yêu cầu cổ phần hóa	38
3. Hình thức cổ phần hóa	38
II. DOANH NGHIỆP SAU KHI CỔ PHẦN HÓA	39
2. Hình thức pháp lý	39
3. Quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty	39
4. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa	40
5. Cơ cấu tổ chức	41
6. Vốn điều lệ	44
7. Cổ phần	44
8. Đối tượng mua cổ phần	44
9. Cơ cấu vốn điều lệ theo cổ phần sở hữu của các cổ đông	45



10. Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược.....	45
11. Cổ phần ưu đãi bán cho cán bộ công nhân viên.....	47
12. Cổ phần bán cho tổ chức Công đoàn Công ty.....	50
13. Cổ phần bán đấu giá cho các nhà đầu tư thông thường.....	50
14. Kế hoạch đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán.....	51
III. PHƯƠNG ÁN LAO ĐỘNG.....	51
1. Kế hoạch sắp xếp lao động.....	51
2. Kế hoạch xử lý lao động dôi dư.....	52
3. Kế hoạch tuyển dụng, đào tạo và đào tạo lại lao động giai đoạn 2017-2019.....	53
IV. CÁC RỦI RO CỦA ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY.....	53
V. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG SỔ TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA.....	54
IV. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA.....	57
PHẦN IV: PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT CỦA CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HÓA.....	68
PHẦN V: DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN.....	72
PHẦN VI: TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT.....	73
PHẦN VII: KIẾN NGHỊ VÀ KẾT LUẬN.....	74



DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Danh sách thành viên Ban chỉ đạo cổ phần hóa.....	8
Bảng 2: Danh sách thành viên Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa.....	9
Bảng 3: Tình hình lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2015.....	18
Bảng 4: Vốn kinh doanh phân theo cơ cấu vốn.....	19
Bảng 5: Vốn kinh doanh phân theo nguồn vốn.....	19
Bảng 6: Tình hình TSCD tại thời điểm 31/12/2015.....	20
Bảng 7: Chi phí giai đoạn 2013-2016.....	27
Bảng 8: Lợi nhuận giai đoạn 2013-2016.....	28
Bảng 9: Tổng hợp các chỉ tiêu tài chính chủ yếu giai đoạn 2013-2016.....	28
Bảng 10: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2013-2016.....	30
Bảng 11: Tổng hợp diện tích đất đai của Công ty đang quản lý và sử dụng.....	32
Bảng 12: Tổng hợp kết quả đánh giá Công ty.....	34
Bảng 13: Quy mô vốn điều lệ giai đoạn 2017 – 2019.....	44
Bảng 14: Kế hoạch sắp xếp lao động của Công ty.....	51
Bảng 15: Tổng dự toán chi phí cổ phần hóa.....	54
Bảng 16: Dự kiến số tiền thu được từ bán phần vốn Nhà nước.....	55
Bảng 17: Lộ trình tổ chức thực hiện phương án cổ phần hóa.....	73

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1: Sơ đồ tổ chức của Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng..	16
Sơ đồ 2: Sơ đồ tổ chức Công ty Cổ phần.....	43



PHẦN I: TÌNH HÌNH CHUNG CỦA CÔNG TY TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Cơ sở pháp lý của việc cổ phần hóa:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ, về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần; Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu (sau đây gọi là Nghị định số 63/2015/NĐ-CP);
- Thông tư số 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22 tháng 10 năm 2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Quyết định 58/2016/QĐ-TTg ngày 28/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí phân loại doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016 - 2020;
- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính, về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính, hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;



- Thông tư số 115/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Quyết định số 274/QĐTC-CTUBND ngày 25/06/2010 của UBND Tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt đề án và chuyển đổi Công ty Công trình Đô thị Sóc Trăng thành Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị Sóc Trăng;
- Căn cứ Công văn số 1979/TTg-DMDN ngày 03/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ, về việc kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của UBND Tỉnh Sóc Trăng, về việc thực hiện cổ phần hóa và thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng;
- Căn cứ Quyết định số 2226/QĐ-UBND ngày 20/09/2016 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng;
- Quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 01/04/2016 của UBND Tỉnh Sóc Trăng, về việc phê duyệt dự toán chi phí cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng và Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 22/2/2017 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi phí cổ phần hóa Công ty TNHH MTV công trình đô thị tỉnh Sóc Trăng;
- Quyết định số 02/QĐ-BCĐCPH ngày 27/01/2016 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa, về việc thành lập Tổ giúp việc cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng;
- Căn cứ Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 06/03/2017 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Công trình đô thị tỉnh Sóc Trăng;
- Quyết định số 1374/QĐ-UBND ngày 20/06/2017 của UBND Tỉnh Sóc Trăng, về việc công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng;
- Quyết định số 1494/QĐ-UBND ngày 23/06/2017 của UBND Tỉnh Sóc Trăng, về việc phê duyệt tiêu chí lựa chọn, phương thức bán cổ phần lần đầu cho nhà



đầu tư chiến lược để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng;

2. Ban chỉ đạo cổ phần hóa:

- Ban chỉ đạo cổ phần hóa của Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng được thành lập theo Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của UBND Tỉnh Sóc Trăng và Quyết định số 2226/QĐ-UBND ngày 20/09/2016 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng;

Bảng 1: Danh sách thành viên Ban chỉ đạo cổ phần hóa

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thành phần
1	Lê Thành Trí	PCT Thường trực UBND tỉnh Sóc Trăng	Trưởng ban
2	Lê Trọng Sơn	Giám đốc Sở Nội vụ	Phó trưởng ban
3	Hoàng Văn Công	Phó Giám đốc Sở Tài Chính	Phó trưởng ban
4	Lê Hoàng Điện	Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Thành viên
5	Dương Quốc Việt	Giám đốc Sở Xây dựng	Thành viên
6	Phạm Tiến Hải	Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thành viên
7	Triệu Công Danh	Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường	Thành viên
8	Lâm Hữu Tùng	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng	Thành viên
9	Nguyễn Văn Khởi	Trưởng Ban kinh tế ngân sách – HDND tỉnh Sóc Trăng	Thành viên
10	Nguyễn Văn Thanh	Phó Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh Sóc Trăng	Thành viên

Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty có quyền và trách nhiệm sau:

- Được sử dụng con dấu của Sở Nội vụ trong khi thực hiện nhiệm vụ;
- Thành lập Tổ giúp việc triển khai công tác cổ phần hóa tại doanh nghiệp;
- Xác định thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, lựa chọn tổ chức có chức năng định giá theo quy định.



- Chỉ đạo xây dựng phương án cổ phần hóa và dự thảo Điều lệ lần đầu của công ty cổ phần
- Thẩm tra và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công bố giá trị doanh nghiệp, quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa;
- Chỉ đạo Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng phối hợp với các tổ chức tài chính trung gian thực hiện công tác đấu giá bán cổ phần.
- Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả bán cổ phần.
- Tổng hợp và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh phương án cổ phần hóa, quyết định điều chỉnh giá trị doanh nghiệp sau khi chuyển thành công ty cổ phần.
- Xem xét, lựa chọn và đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh việc cử người đại diện phần Vốn nhà nước góp tại công ty cổ phần.
- Ban chỉ đạo cổ phần hóa có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định tại Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 và Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 20/12/2011; Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính và các quy định khác có liên quan.
- Thành viên Ban chỉ đạo cổ phần hóa được hưởng thù lao theo quy định tại Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính.

3. Tổ giúp việc cổ phần hóa

Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa của Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng được thành lập theo Quyết định số 02/QĐ-BCDCPH ngày 27/01/2016 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa.

Bảng 2: Danh sách thành viên Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Lâm Hữu Tùng (tổ trưởng)	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty
2	Khuru Thị Diệu Huyền	Trưởng phòng Cải cách hành chính, Sở Nội vụ, Tổ chuyên viên Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh Sóc Trăng
3	Nguyễn Như Nguyễn	Chuyên viên phòng Quản lý Công sản và Công ty nhà nước, Sở Tài chính, Tổ chuyên viên Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh Sóc Trăng
4	Nguyễn Hiếu Nghĩa	Trưởng phòng Quy hoạch xây dựng và Phát triển đô thị, Sở Xây dựng
5	Hoàng Vũ	Phó Trưởng phòng Lao động – Việc làm, Sở Lao động, Thương binh và Xã Hội



PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

6	Lý Kim Tài	Chuyên viên phòng Tổng hợp, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh
7	Lê Hoàng Nam	Chuyên viên phòng Cải cách hành chính, Sở Nội vụ
8	Cao Minh Xuân	Chuyên viên phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư
9	Hứa Hải Đăng	Chuyên viên phòng Giá đất và Giải phóng mặt bằng, Sở Tài nguyên và Môi trường
10	Nguyễn Đức Khôi	Kiểm soát viên Công ty MTVMột thành viên Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng
11	Trần Thị Ngọc Phước	Kế toán trưởng Công ty MTVMột thành viên Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng
12	Nguyễn Thủy Ngân	Trưởng phòng Hành chính – Nhân sự Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng

Tổ giúp việc có trách nhiệm giúp Ban chỉ đạo cổ phần hóa thực hiện các công việc để cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng.

4. Đơn vị kiểm toán

- Tên công ty : Công ty TNHH Kiểm toán Đại Tín
- Địa chỉ : Lầu 5 - Tòa nhà GT, 403 Nguyễn Thái Bình, Phường 12, Quận Tân Bình, Tp.HCM
- Điện thoại : (08) 3500 4494
- Fax : (08) 6293 8182
- Trách nhiệm : Cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính

5. Đơn vị xác định giá trị doanh nghiệp

- Tên công ty : Công ty CP Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam
- Địa chỉ : Số 359 Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận I, Tp. HCM
- Điện thoại : (08) 39205594 - 39205596
- Trách nhiệm : Cung cấp dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa

6. Đơn vị tư vấn lập phương án cổ phần hóa

- Tên công ty : Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Hồ Chí Minh



- Địa chỉ : Lầu 1 và Lầu 7, Tòa nhà Green Star, 70 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, Tp.HCM
- Điện thoại : Điện thoại: (08) 38 200 751
- Fax : Fax: (08) 38 200 771
- Trách nhiệm : Cung cấp dịch vụ xây dựng phương án cổ phần hóa

7. Thuật ngữ và từ viết tắt

- CBCNV : Cán bộ viên chức - người lao động
- Công ty : Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng
- DTT : Doanh thu thuần
- MTV : Một thành viên
- NHNN : Ngân hàng Nhà nước
- TMCP : Thương mại cổ phần
- TNHH : Trách nhiệm hữu hạn
- TP : Thành phố
- TSCĐ : Tài sản cố định
- UBND : Ủy ban nhân dân
- VCBS : Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam



II. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

1. Giới thiệu về doanh nghiệp

- Tên công ty: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ TỈNH SÓC TRĂNG**
- Tên tiếng Anh: Soc Trang Public Works One Member Limited Company
- Tên viết tắt: Công ty Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng
- Trụ sở chính: 422 Quốc lộ 1A, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.
- Điện thoại, Fax : (0299)382 2354 - (0299)382 5900
- E-mail: ctct-dtst@vnn.vn
- Website: <http://ctdtst.vn/>
- Logo:



2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 2200177456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp, đăng ký lần đầu ngày 07/07/2010, thay đổi lần thứ 2 ngày 29/08/2013, ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác - Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh môi trường	8129 (Chính)
2	- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan - Chi tiết: Tư vấn xây dựng, tư vấn thiết kế công trình điện	7110
3	- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
4	- Xây dựng nhà các loại	4100
5	- Lắp đặt hệ thống điện	4321
6	- Vận tải bằng xe buýt	4920
7	- Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
8	- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329

9	- Quảng cáo	7310
10	- Xây dựng công trình công ích	4220
11	- Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
12	- Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
13	- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ	4933
14	- Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa	5022
15	- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
16	- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
17	- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc di thuê - Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
18	- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
19	- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ - Chi tiết: xây dựng, duy tu, bảo dưỡng công trình đường bộ, hạ tầng kỹ thuật, đô thị, nghĩa trang, nghĩa địa	4210
20	- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan - Chi tiết: bán buôn xăng, dầu và các sản phẩm liên quan	4661
21	- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Chi tiết: khách sạn	5510
22	- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí - Chi tiết: lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước	4322
23	- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác - Chi tiết: bán buôn máy phát điện, động cơ điện, dây điện và các thiết bị dùng trong mạch điện	4659
24	- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
25	- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh - Chi tiết: trồng cây xanh, hoa kiểng	0118
26	- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống - Chi tiết: bán buôn hoa, chậu kiểng và cây xanh	4620
27	- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình - Chi tiết: bán buôn thùng rác công cộng	4649
28	- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632



29	- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng - Chi tiết: sản xuất cuốc, xẻng	2593
30	- Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại - Chi tiết: xử lý rác thải không độc hại	3821
31	- Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại - Chi tiết: xử lý rác thải độc hại	3822
32	- Thoát nước và xử lý nước thải	3700
33	- Chuẩn bị mặt bằng - Chi tiết: san lấp mặt bằng	4312

3. Quá trình hình thành và phát triển, các thành tích đạt được.

3.1. Quá trình hình thành và phát triển

Năm 1997, Công ty Công trình Đô thị Sóc Trăng được thành lập theo Quyết định số 166/QĐ-TCCB ngày 29/4/ 1997 trên cơ sở củng cố và cơ cấu lại Công ty Quản lý Công trình đô thị Sóc Trăng (đơn vị kinh tế sự nghiệp). Là doanh nghiệp hoạt động công ích ngành nghề kinh doanh chính là dịch vụ vệ sinh môi trường vệ sinh đường phố và thu gom rác thải; trồng cây, bảo dưỡng cây xanh bảo quản, xây dựng quản lý các công viên; Quản lý và duy tu hệ thống thoát nước đô thị, lề đường; Xây dựng và quản lý hệ thống chiếu sáng công cộng. Vốn điều lệ khi thành lập doanh nghiệp là 1.035.052.000 đồng.

Năm 2010, thực hiện phương án sắp xếp doanh nghiệp, Công ty được chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng theo Quyết định số 274/QĐTC-CTUBND ngày 25/06/2010 của UBND tỉnh Sóc Trăng. Vốn điều lệ khi chuyển đổi là 17.186.000.000đ, được điều chỉnh tăng vốn theo Quyết định số 974/QĐHC-CTUBND ngày 10/9/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng phê duyệt vốn điều lệ của công ty là 58.505.000.000 đồng.

Năm 2016, Công ty thực hiện Cổ phần hóa theo quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của UBND Tỉnh Sóc Trăng, về việc thực hiện cổ phần hóa và thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng.

3.2. Một số giải thưởng và thành tích đạt được

Trải qua hơn 20 năm thành lập và phát triển, Công ty đạt được rất nhiều thành công trên nhiều lĩnh vực sản xuất kinh doanh được Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị, xã hội và các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh tin nhiệm cao, nhận được nhiều giải thưởng, thành tích xuất sắc trong kinh doanh như:

Được tặng thưởng Huân chương lao động hạng II và hạng III, Cờ thi đua và cúp doanh nghiệp xuất sắc nhiều năm liền, là tập thể lao động xuất sắc; được tặng thưởng



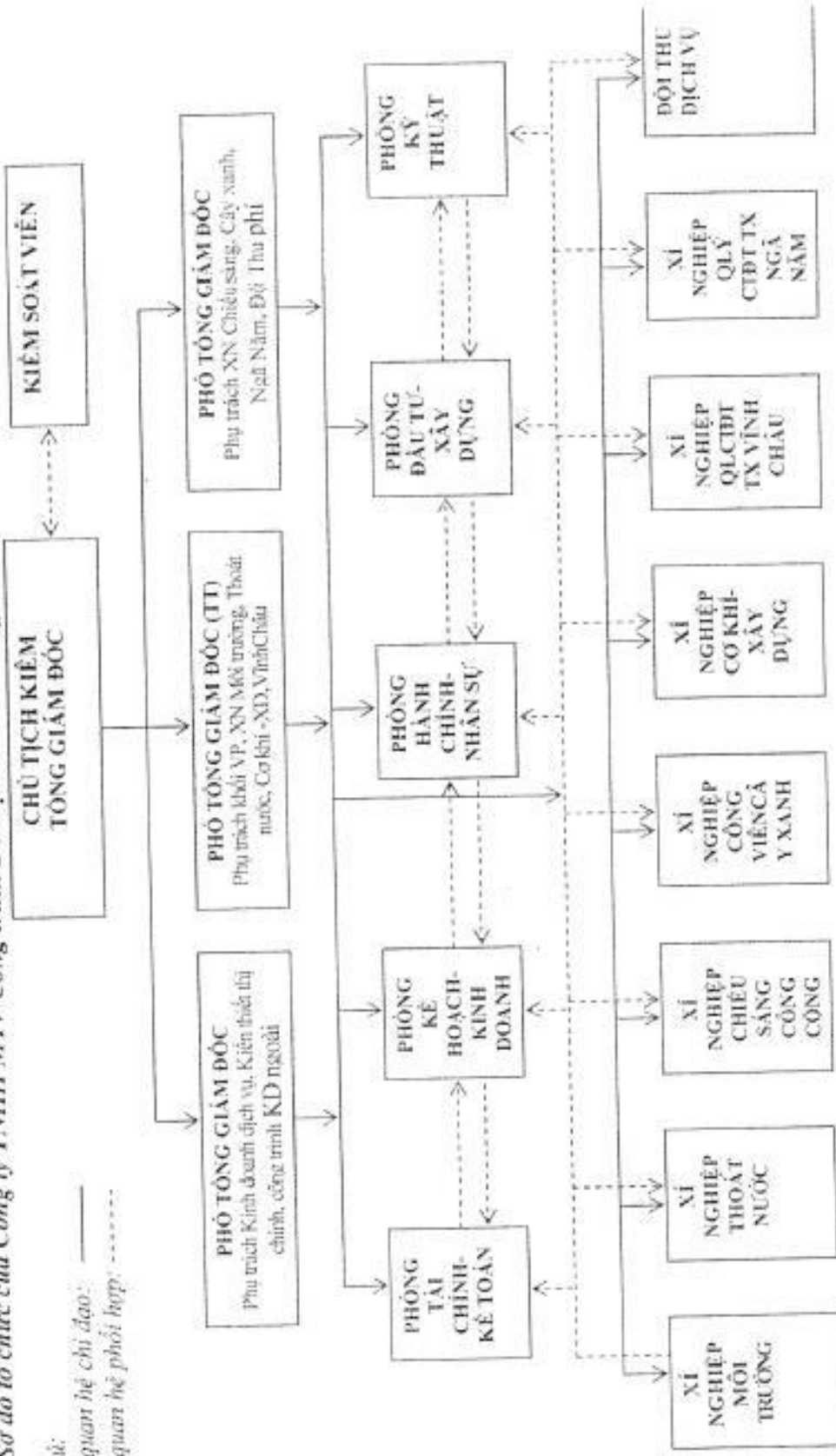
Bằng khen của Thủ Tướng Chính Phủ và nhiều Bằng khen của UBND tỉnh, Liên đoàn LĐ tỉnh, Bộ ngành trung ương.

Chi, Dâng bộ được công nhận trong sạch vững mạnh và đạt Vững mạnh tiêu biểu. Đoàn thanh niên được công nhận Vững mạnh và vững mạnh xuất sắc là đơn vị dẫn đầu nhóm; Công đoàn cơ sở đạt vững mạnh và vững mạnh xuất sắc; được tặng Cờ thi đua dẫn đầu Khối và Cờ thi đua xuất sắc; nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật được công nhận và áp dụng, nhân rộng. Công ty được tặng thưởng Bằng khen phục vụ lễ hội Festival, Bằng khen của “Hội Chiếu sáng Đô thị Việt Nam”, Cờ thi đua xuất sắc của “Hội Môi trường Đô thị và các khu công nghiệp Việt Nam”, Cúp vàng “Vì sự nghiệp bảo vệ môi trường”, Cúp vàng “Doanh nghiệp Hội nhập và phát triển” năm 2010; Giải thưởng Quốc Gia “Cúp vàng phát triển bền vững vì sự nghiệp xanh Việt Nam” năm 2011; Cờ thi đua dẫn đầu của Hội chiếu sáng Việt Nam năm 2012; Giải thưởng Môi trường năm 2013; Công ty được tặng Cờ thi đua và cúp doanh nghiệp xuất sắc của UBND tỉnh Sóc Trăng từ năm 2010 đến năm 2016; Cờ thi đua xuất sắc tiêu biểu của “Hội Chiếu sáng Việt Nam” năm 2014; Bằng khen của “Hiệp hội Môi trường” giai đoạn 2010-2015; Bằng khen về “Phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ” năm 2014; Bằng khen UBND tỉnh về “Thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế” năm 2016; được Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Bộ Lao động Thương binh Xã hội, Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam chứng nhận xếp hạng “Doanh nghiệp vì người lao động” năm 2014; được Trung tâm Văn hóa Doanh nhân Việt Nam chứng nhận đạt “Doanh nghiệp văn hóa có nhiều đóng góp cho xã hội” năm 2014, 2015; Sản phẩm gạch tự chèn của Công ty được Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ bảo vệ người tiêu dùng chứng nhận là “Hàng Việt tốt – Dịch vụ hoàn hảo” năm 2016.

4. Cơ cấu tổ chức

4.1. Sơ đồ tổ chức

Sơ đồ 1: Sơ đồ tổ chức của Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng



Ghi chú:
 - Mọi quan hệ chỉ đạo: ———
 - Mọi quan hệ phối hợp: -.-.-.-



4.2. Tổ chức bộ máy

✦ Chủ tịch Công ty kiêm tổng giám đốc

Chủ tịch Công ty nhân danh chủ sở hữu tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu Công ty, có quyền nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Chủ tịch Công ty nhân danh chủ sở hữu tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu Công ty, có quyền nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu Công ty về các quyền và nhiệm vụ được giao

✦ Kiểm soát viên

Chủ sở hữu Công ty bổ nhiệm một đến ba Kiểm soát viên với nhiệm kỳ không quá ba năm. Kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu Công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.

Kiểm soát có trách nhiệm kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cân trọng của Chủ tịch, Giám đốc cũng như Ban lãnh đạo Công ty trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, trong quản lý điều hành công việc kinh doanh như việc triển khai thực hiện Điều lệ của công ty; Việc tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản đối với công ty; việc thành lập mới công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; việc góp, nắm giữ, tăng, giảm vốn của công ty vào công ty khác; việc thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác; việc tiếp nhận doanh nghiệp tự nguyện tham gia làm công ty con, công ty liên kết; việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; việc tăng vốn điều lệ; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác v.v...

✦ Phó Tổng Giám đốc

Các Phó Giám đốc do Chủ tịch Công ty bổ nhiệm có thời hạn 05 năm. Phó Giám đốc Công ty giúp Giám đốc điều hành một số lĩnh vực công tác theo sự phân công và ủy quyền của Giám đốc, việc ủy quyền có liên quan đến việc ký kết hợp đồng kinh tế hoặc liên quan đến việc sử dụng con dấu của Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Công ty, Giám đốc và pháp luật về những nhiệm vụ được Giám đốc Công ty phân công và ủy quyền.

✦ Bộ máy giúp việc

Bộ máy giúp việc gồm các phòng ban chuyên môn, nghiệp vụ, Các xí nghiệp, Các chi nhánh.

5. Các tổ chức chính trị xã hội

**✚ Đảng cộng sản Việt Nam**

Tính tới ngày 31/12/2015, Công ty có 112 đảng viên đang sinh hoạt tại Đảng bộ Công ty và 12 Chi bộ trực thuộc Đảng bộ Công ty, trong đó có 25 đảng viên nữ.

✚ Tổ chức Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh

Tính tới ngày 31/12/2015, Công ty có 176 đoàn viên đang sinh hoạt tại 09 Chi đoàn trực thuộc Đoàn cơ sở Công ty, trong đó có 45 đoàn viên nữ.

✚ Tổ chức Công đoàn

Tính tới ngày 31/12/2015, Công ty có 439 đoàn viên đang sinh hoạt tại 18 tổ công đoàn trực thuộc Công đoàn cơ sở Công ty, trong đó có 91 đoàn viên nữ.

6. Danh sách công ty mẹ, công ty con của Công ty

Không có

7. Tình hình lao động

Tổng số lao động có tên trong danh sách bảng lương của Công ty có mặt đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 31/12/2015 là 486 người, trong đó:

Bảng 3: Tình hình lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2015

Stt	Chỉ tiêu	Số lao động (người)	Tỷ lệ (%)
I	Phân loại theo giới tính	486	100
1	Nam	386	79,42
2	Nữ	100	20,58
II	Phân loại theo hợp đồng lao động	486	100
1	Lao động quản lý do Nhà nước bổ nhiệm	2	0,41
2	Lao động ký hợp đồng lao động	484	99,59
2.1	Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	431	88,68
2.2	Hợp đồng lao động xác định thời hạn	53	10,90
2.3	Hợp đồng lao động thời vụ	0	0,00
III	Phân loại theo trình độ	486	100
1	Trình độ đại học và trên đại học	97	19,96
2	Trình độ cao đẳng	23	4,73
3	Trình độ trung cấp	49	10,08
4	Trình độ sơ cấp	10	2,06
5	Công nhân kỹ thuật	12	2,47



6	Chưa có bằng cấp	295	60,70
---	------------------	-----	-------

Nguồn: Công ty

Căn cứ vào số liệu trên và ngành nghề hoạt động cho thấy Công ty hiện đang có nguồn nhân lực tương đối tốt; Đội ngũ lao động hiện tại có cơ cấu phù hợp về trình độ theo các cấp độ đào tạo khác nhau phù hợp với công việc đang làm; Cán bộ nhân viên – người lao động đều có tinh thần gắn bó, tâm huyết ngành nghề và tự hào với truyền thống của Công ty, có ý thức chấp hành tốt điều lệ, nội quy và quy chế làm việc tại Công ty.

8. Tài sản Vốn kinh doanh tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

8.1. Tài sản kinh doanh Phân theo cơ cấu vốn

Bảng 4: Vốn kinh doanh phân theo cơ cấu vốn

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị sổ sách kế toán tại 31/12/2015
A	Tài sản ngắn hạn	55.612.225.832
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	12.616.682.444
II	Dầu tư tài chính ngắn hạn	12.378.184.526
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	28.855.779.600
IV	Hàng tồn kho	1.595.911.604
V	Tài sản ngắn hạn khác	165.667.658
B	Tài sản dài hạn	34.802.785.608
I	Tài sản cố định	21.701.397.349
II	Tài sản dở dang dài hạn	13.101.388.259
	Tổng cộng	90.415.011.440

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2015 của Công ty

8.2. Phân theo nguồn vốn

Bảng 5: Vốn kinh doanh phân theo nguồn vốn

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị sổ sách kế toán tại 31/12/2015
A	Nợ phải trả	39.933.914.874
I	Nợ ngắn hạn	39.933.914.874
II	Nợ dài hạn	-
B	Vốn chủ sở hữu	50.481.096.566

**PHƯƠNG AN CỔ PHẦN HÓA**

I	Vốn chủ sở hữu	50.481.096.566
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-
	Tổng cộng	90.415.011.440

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2015 của Công ty

9. Tình hình tài sản của doanh nghiệp

Bảng 6: Tình hình TSCĐ tại thời điểm 31/12/2015

Đơn vị tính: đồng

Stt	Tên tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
I	TSCĐ hữu hình	33.427.789.235	13.265.444.286	20.162.344.949
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	9.320.995.867	1.060.029.973	8.260.965.894
2	Máy móc, thiết bị	6.519.499.286	1.961.404.056	4.558.095.230
3	Phương tiện vận tải	17.587.294.082	10.244.010.257	7.343.283.825
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	-	-	-
5	TSCĐ hữu hình khác	-	-	-
II	TSCĐ vô hình	1.539.052.400	-	1.539.052.400
	Tổng cộng	34.966.841.635	13.265.444.286	21.701.397.349

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2015 của Công ty

10. Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp 3 năm trước cổ phần hóa**10.1. Các hoạt động kinh doanh chính của Công ty**

Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng là doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu thực hiện nhiệm vụ chính trị do nhà nước giao về lĩnh vực hoạt động công ích trên địa bàn thành phố Sóc Trăng và các huyện, thị thuộc tỉnh Sóc Trăng, ngoài ra Công ty còn có chức năng thực hiện hoạt động kinh doanh dịch vụ tạo thêm nguồn thu để duy trì, phát triển doanh nghiệp.

10.1.1. Về lĩnh vực hoạt động Công ích**↓ Công tác vệ sinh môi trường:**

Công ty thực hiện quét thu gom rác trên một số tuyến đường chính và khu vực chợ của thành phố và thị xã, nhật gom rác ban ngày trên một số tuyến đường trung tâm của thị xã, thu gom rác hộ dân vận chuyển về bãi rác. Thực hiện xử lý, san ủi bãi rác, phun hóa chất, diệt ruồi, vận hành trạm rỉ rác, xử lý ao lắng nước rỉ rác, đánh luống đập bạt lên rác, đảm bảo vệ sinh đô thị sạch đẹp và hạn chế mùi hôi, ô nhiễm môi trường tại bãi rác.

Ngoài việc thu gom rác thường xuyên, Công ty thực hiện thu gom rác các bãi tự phát vào dịp lễ, tết theo phát động tổng vệ sinh của UBND thành phố và thị xã.

Công ty hỗ trợ vận chuyển rác đến điểm tập kết do các hộ gia đình, cơ quan, đơn vị tổng vệ sinh. Bên cạnh đó quan tâm sửa chữa thùng rác công cộng, duy trì phục vụ nhà vệ sinh công cộng cho khách vãng lai và người dân địa phương, kết hợp với UBND các phường, xã vận động người dân ký kết hợp đồng thu gom rác, mỗi hộ gia đình, hộ kinh doanh trong khu vực, nơi ở phải có thùng chứa rác tạo điều kiện cho người dân ý thức không xả rác bừa bãi, bỏ rác đúng nơi quy định, đường phố sạch đẹp, thông thoáng.

↓ **Công tác thoát nước:**

Trong năm 2015, triển khai thực hiện nạo vét cho 106 tuyến đường với chiều dài 94.276m nương, cống thoát nước, 3.159 hố ga, đạt tỷ lệ: 247%.

Vận hành nhà máy xử lý nước thải, 10 trạm bơm, 243 hố ga và 10.079,65m công bao đảm bảo thu gom và xử lý nước thải, hạn chế ảnh hưởng môi trường.

Nạo vét 35 tuyến hẻm, tổng chiều dài 3.327,3m kênh, nương thoát nước.

Thường xuyên kiểm tra, đề xuất kịp thời công tác cải tạo, sửa chữa những đoạn nương, cống, hố ga, đan, rãnh thu nước bị hư sập gây ngập nghẹt, đầu nổi cống thoát nước một số tuyến đường để khai thông nhằm đảm bảo thoát nước tốt. Chủ động trong việc thực hiện nạo vét đột xuất những điểm nóng để hạn chế ngập úng cục bộ trong mùa mưa, vệ sinh đường cống trước các ngày lễ, tết, làm cỏ, vớt rác khai thông các kênh đầu mối để thông thoáng dòng chảy, giảm bớt ruồi muỗi tránh bệnh tật và ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân.

↓ **Công tác quản lý, chăm sóc công viên cây xanh:**

Được sự quan tâm đầu tư của tỉnh, thành phố và thị xã. Trong năm 2015, Công ty tiếp nhận thêm thị xã Ngã Năm nâng tổng số cây là 18.713 cây xanh các loại. Ngoài việc trồng mới cây xanh, không ngừng phát triển thảm cỏ, cây cảnh, cây kiểng tạo sắc diện mới cho thành phố và thị xã theo chức năng nhiệm vụ được giao.

Công ty thực hiện quản lý, chăm sóc, duy trì cây xanh đường phố, dải phân cách, công viên, quảng trường, hoa viên, tượng đài, hồ phun nước.

Phối hợp với các ngành chức năng, UBND phường tăng cường kiểm tra việc chặt phá cây xanh vỉa hè, đến nay các vụ việc phá hoại cây xanh ngày càng giảm, phối hợp với Công ty Điện lực khống chế chiều cao cây xanh không làm ảnh hưởng lưới điện và đảm bảo mỹ quan cũng như sự phát triển của cây xanh.

Khảo sát các trường hợp xin đốn hạ di dời cây xanh để tham mưu cho UBND thành phố giải quyết. Trong năm 2015 có 53 trường hợp đốn hạ, di dời cây xanh trên địa bàn thành phố Sóc Trăng.

↓ **Công tác chiếu sáng công cộng:**

Hiện nay trong nội ô thành phố và thị xã đã có 100% các tuyến đường chính được đầu tư hệ thống chiếu sáng công cộng. Công ty thực hiện quản lý, duy tu, bảo



đường và vận hành đảm bảo cho hệ thống hoạt động tốt, duy tu sửa chữa kịp thời đèn hư tắt và vận hành gồm 12.242 bộ đèn các loại, trong năm 2015 sửa chữa 3.292 ngọn đèn, duy trì 270 trạm chiếu sáng, 11 chốt đèn tín hiệu giao thông, hệ thống đèn trang trí góp phần tạo cảnh quan đô thị, nâng cao điều kiện sinh hoạt của người dân, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông.

Công ty thường xuyên bố trí lực lượng công nhân trực nhật, kiểm tra hàng đêm, đề phòng sự cố vào mùa mưa bão, điều chỉnh giờ đóng, ngắt, cắt giảm đèn xen kẽ 50% các tuyến đường khi lưu lượng tham gia giao thông giảm, phát quang cây xanh các tuyến đường, thay thế cần đèn, bulong, u sứ bị rỉ sét để đảm bảo an toàn cho hệ thống điện. Trong năm 2015 đã tiết kiệm điện năng được 500 nghìn KW tương đương số tiền 854 triệu đồng.

Để từng bước phủ sáng rộng khắp các tuyến hẻm trong thành phố, Công ty quan tâm hỗ trợ nhân công lắp đặt điện chiếu sáng công cộng cho các hẻm, vật tư lắp đặt do người dân đóng góp, trong năm 2015 hỗ trợ lắp đặt 40 ngọn đèn cho 10 hẻm, số tiền hỗ trợ gần 45 triệu đồng. Theo số liệu thống kê của công ty hiện nay trên toàn thành phố Sóc Trăng có khoảng 327 hẻm, số hẻm có điện chiếu sáng công cộng là 283 hẻm, đạt tỷ lệ khoảng 87%.

✚ Công tác hợp đồng lấy rác và thu phí dịch vụ vệ sinh:

Năm 2015 Công ty phối hợp với các Phường và Xã khảo sát để lập kế hoạch ký kết hợp đồng lấy rác và thu phí dịch vụ vệ sinh với các hộ dân. Trong điều kiện hạ tầng cơ sở, đường xá của thành phố một số nơi chưa hoàn thiện, các hẻm, khu vực dân cư vùng ven nhiều, ở thị xã địa bàn rộng, dân cư thưa thớt nên việc ký hợp đồng và thực hiện lấy rác hộ dân còn gặp nhiều khó khăn nên ngay từ đầu năm Công ty chủ động đề ra những biện pháp như thống kê, phân loại đối tượng, mở rộng địa bàn, đầu tư phương tiện thu gom rác, phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong việc tuyên truyền vận động người dân tham gia ký hợp đồng lấy rác và đóng phí dịch vụ vệ sinh nên năm 2015 Công ty thực hiện đạt theo kế hoạch đề ra.

✚ Công tác thu phí thoát nước:

Từ tháng 01/2015 đến tháng 7/2015 Công ty tiếp tục thực hiện thu phí thoát nước theo Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 23/01/2014 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc Quy định mức thu và lộ trình thu phí thoát nước trên địa bàn thành phố Sóc Trăng tỉnh Sóc Trăng. Đến đầu tháng 8/2015 Công ty thực hiện thu tiền dịch vụ thoát nước theo Quyết định số 29/2015/QĐ – UBND ngày 23/7/2015 của UBND TPST quy định mức giá dịch vụ thoát nước trên địa bàn thành phố Sóc Trăng giai đoạn 2015-2016.

Trong quá trình thực hiện, Công ty luôn phối hợp chặt chẽ với Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Sóc Trăng và các khóm, phường trong công tác xác định đối tượng thu phí, giải quyết khiếu nại khách hàng về phí thoát nước cũng như khảo sát đầu nối của hộ dân, được các đơn vị và địa phương quan tâm hỗ trợ nhiệt tình.

Trong năm đã tiến hành khảo sát rà soát, bổ sung thu 1.136 hộ thoát nước, Kết quả năm 2015 số tiền thu được 6.975.332.350/5.744.573.585 đồng tương đương 12.770 hộ/tháng đạt 121,4% kế hoạch năm.

10.1.2. Hoạt động kinh doanh - dịch vụ:

Công ty thực hiện hoạt động kinh doanh dịch vụ gồm thi công các hạng mục công trình chính trang đô thị của thành phố Sóc Trăng và thị xã Vĩnh Châu, thị xã Ngã Năm thi công công trình và hợp đồng thực hiện kinh doanh dịch vụ với các tổ chức, cơ quan, đơn vị trong và ngoài tỉnh để tăng nguồn thu. Kết quả năm 2015 đã thực hiện được như sau:

⬇ Về thực hiện các hạng mục kiến thiết thị chính:

Trong năm, Công ty đã tham mưu với UBND Tỉnh, Thành ủy- UBND thành phố và thị xã triển khai thực hiện 29 hạng mục kiến thiết thị chính trên các lĩnh vực như: Chiếu sáng công cộng; Vệ sinh môi trường; Công viên cây xanh; Thoát nước với tổng kinh phí là: 11.803.215.968/12.975.437.271 đồng, đạt 90,97% kế hoạch, đáp ứng nhu cầu chính trang đô thị góp phần cải tạo cảnh quan của thành phố và thị xã cũng như phục vụ các ngày lễ tết được khang trang, sạch đẹp hơn.

⬇ Các hoạt động kinh doanh - dịch vụ khác:

Thực hiện các hoạt động kinh doanh - dịch vụ khác như: dịch vụ rút hầm cầu, dịch vụ lấy rác các Công ty, Xí nghiệp; sản xuất gạch lát vỉa hè và thực hiện các hạng mục công trình trồng cây xanh, lắp điện chiếu sáng công cộng cho các đơn vị, cá nhân có nhu cầu. Kết quả trong năm 2015 đã thực hiện với giá trị: 7.551.269.594/6.471.631.791 đồng, đạt 116,68% kế hoạch. Góp phần tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cải thiện đời sống CBVC-NLD công ty.

10.1.3. Thực hiện các dự án được giao làm chủ đầu tư

Ngoài việc thực hiện các mặt hoạt động nêu trên. Công ty còn được UBND tỉnh giao nhiệm vụ quản lý, điều hành thực hiện các dự án thuộc phạm vi quản lý.

⬇ Dự án thoát nước và xử lý nước thải thành phố Sóc Trăng (Giai đoạn 1)

- Địa điểm xây dựng: Thành phố Sóc Trăng.
- Quy mô, công suất đầu tư trong giai đoạn 1 của dự án:
 - Xây dựng Nhà máy xử lý nước thải tập trung xử lý bằng phương pháp cơ học, công suất nhà máy là 13.180m³/ngàyđêm.
 - Xây dựng hệ thống cống bao thu gom nước thải về nhà máy, 10 trạm bơm, 16 hồ ga tách dòng (CSO) để tách nước mưa và nước thải; Cải tạo sơ bộ cho 05 lưu vực thoát nước thường xuyên bị ngập úng trong địa bàn thành phố.
- Tổng mức đầu tư được duyệt Quyết định số 1370/QĐHC-CTUBND ngày 30/12/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng là 194.424.829.905 đồng.

- Nguồn vốn đầu tư:
 - Vốn vay ODA của Ngân hàng Tài thiết Đức – KfW: 5.100.000 Euro tương đương 139,071.298.520 đồng;
 - Vốn đối ứng trong nước 55.353.531.385 đồng, tương đương 2.000.000 Euro.
- Tình hình thực hiện và giải ngân của dự án:
 - Dự án đã hoàn thành Nhà máy xử lý nước thải và hệ thống thu gom đưa vào sử dụng tháng 6/ 2013; Kênh bê tông Cò Bắc Đông-Cò Bắc Tây hoàn thành đưa vào sử dụng trong tháng 4/2016.
 - Lũy kế giải ngân đến ngày 31/01/2016 là 181.296.860.829 đồng.

Trong đó: -Vốn ODA vay của Ngân hàng KfW: 4.929.692,14Euro tương đương 131.414.188.875 đồng;

- Vốn đối ứng trong nước: 49.882.671.954 đồng.

↓ **Dự án thoát nước và xử lý nước thải thành phố Sóc Trăng (Giai đoạn 2)**

- Quy mô, công suất đầu tư trong giai đoạn 2 của dự án :
 - Nâng cấp nhà máy xử lý nước thải tập trung bằng phương pháp xử lý cơ học (giai đoạn 1 đầu tư với công suất 13.180m³/ngày đêm) thành Nhà máy xử lý nước thải theo phương pháp sinh học với công suất 24.000 m³/ngày đêm, để xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn loại B theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường QCVN 14:2008/BTNMT.
 - Xây dựng hệ thống cống cấp 3 và thực hiện đấu nối hộ gia đình để bổ sung và mở rộng hệ thống cống thu gom nước thải khu vực cấp 3 với diện tích 160ha và 33.000 dân từ các khu vực này; Xây dựng mới thêm một phần hệ thống cống thoát nước cấp 1 và cấp 2 trong khu vực dự án; Cải tạo 05 kênh thoát nước hiện hữu trong nội ô thành phố làm nhiệm vụ điều hoà để tiêu thoát nước mưa.
 - Đầu tư trang thiết bị chuyên dùng để phục vụ hoạt động quản lý, vận hành hệ thống thoát nước công cộng của thành phố.
- Tổng mức đầu tư được duyệt (Quyết định số 963/QĐ-UBND, ngày 25/4/2015 của UBND tỉnh Sóc Trăng) : 427.058.789.046 đồng (tương đương 16.010.902 Euro)

Trong đó :

- Vốn vay ưu đãi ODA của Ngân hàng KfW (70%) là: 298.941.168.336 đồng (tương đương 11.207.632 Euro). Do ngân sách Trung ương cấp phát lại 100%.
- Vốn đối ứng trong nước (30%): 128.117.620.710 đồng (tương đương 4.803.270 Euro). Ngân sách Trung ương hỗ trợ 80%, còn lại 20% thuộc ngân sách địa phương.



- Thời gian thực hiện dự án: từ 2013 – 2018.

- Hiện nay, đã hoàn thành phê duyệt thiết kế kỹ thuật hạng mục mạng lưới tuyến công, thiết kế cơ sở hạng mục nhà máy xử lý nước thải và các hạng mục thuộc dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải theo Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 14/2/2017 của UBND tỉnh Sóc Trăng; Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của dự án theo Quyết định số 905/QĐ-UBND ngày 21/4/2017 của UBND tỉnh Sóc Trăng. Dự kiến trong Quý 2/2017 tổ chức đấu thầu và Quý 4/2017 sẽ khởi công xây dựng.

Kết quả giải ngân vốn từ khởi công đến 30/5/2017 là 14.067.666.987 đồng

⚡ **Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý chất thải rắn Thành phố Sóc Trăng và các vùng lân cận thuộc tỉnh Sóc Trăng**

- Địa điểm xây dựng: Diện tích đất sử dụng 276.568,7 m² tại xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên và xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.
- Công suất thiết kế nhà máy: Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt có công suất 160 tấn/ngày; công nghệ sản xuất phân hữu cơ vi sinh, kết hợp với xây dựng bãi chôn lấp chất thải hợp vệ sinh và các dây chuyền tái chế, tái sử dụng chất thải.
- Dây chuyền công nghệ, thiết bị của nhà máy được nhập khẩu từ Châu Âu (Bi) do nhà thầu MENART (Bi) thực hiện
- Tổng mức đầu tư được duyệt theo Quyết định số 18/QĐHC-CTUBND ngày 17/01/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng: 215.948.466.000 đồng (tương đương 10.322.584 USD).
- Nguồn vốn đầu tư:
 - Vốn vay ODA của Chính phủ Na Uy 82% là 177.077.742.000 đồng (tương đương 8.464.519 USD). Ngân sách Trung ương cấp phát 80% tương đương 141.662.193.600 đồng, cho vay lại 20% tương đương 35.415.548.400 đồng.
 - Vốn đối ứng trong nước 18% là 38.870.724.000 đồng (tương đương 1.858.065 USD).
- Tình hình thực hiện và giải ngân của dự án:
 - Công trình Nhà máy xử lý chất thải rắn: Khởi công xây dựng ngày 14/4/2014, do nhà thầu Liên doanh TTC (Việt Nam)- MENART (Bi) thực hiện, đã hoàn thành đưa vào vận hành thử tháng 6/2016, đến tháng 06/2017 tổ chức nghiệm thu bàn giao chính thức đưa vào sử dụng.
 - Lũy kế giải ngân từ khởi công đến ngày 31/12/2016 là 140.864.162.180 đồng,

Trong đó:

- *Vốn ODA của Norad: (4.425.389,7 USD và 206.239,09 Euro) tương đương 102.196.850.005 đồng;*

○ *Vốn đối ứng trong nước: 38.667.312.175 đồng*

✦ **Dự án An Viên thiên đường Sóc Trăng:**

- Địa điểm xây dựng: Xã An Ninh, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng.
- Diện tích xây dựng: 196.093 m².
- Tổng mức đầu tư được duyệt theo Quyết định số 54/QĐ-CTĐT ngày 29/5/2014 của Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng là 93.375.901.990 đồng, được chia làm 02 giai đoạn đầu tư.
Trong đó: + Giai đoạn 1: 59.683.570.200 đồng.
+ Giai đoạn 2: 33.692.331.790 đồng.
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn của Công ty và vốn vay ngân hàng.
- Dự án được khởi công xây dựng từ tháng 6/2015, được chuyển giao từ Dự án Nghĩa trang nhân dân do UBND thành phố Sóc Trăng thực hiện.
- Tiến độ thi công xây dựng đến 31/12/2016, thực hiện được 18/21 hạng mục giai đoạn 1: Cổng chính và hàng rào mặt tiền; Nhà bảo vệ; Nhà tang lễ; Xưởng đúc kim tinh; Chòi nghỉ kết hợp nhà vệ sinh; Hồ nước trung tâm; Kè mái kênh; Bãi đậu xe; Hệ thống giao thông nội bộ; Hệ thống thoát nước; Hệ thống chiếu sáng; Cây xanh. Hiện đã hoàn thành cơ sở hạ tầng đưa vào khai thác tháng 6/2017.
- Giá trị đầu tư đến 31/12/2016 là 29.969.531.599 đồng.

10.2. Chính sách giá

Trước đây các lĩnh vực công ích, các công trình xây dựng Công ty thực hiện theo kế hoạch và đơn đặt hàng của Tỉnh Sóc Trăng. Đơn giá thực hiện áp dụng theo quyết định của UBND Tỉnh Sóc Trăng.

Đối với những hoạt động dịch vụ kinh doanh khác, Công ty cung cấp cho các tổ chức doanh nghiệp thì chính sách giá áp dụng linh hoạt hơn, theo thỏa thuận với từng đối tượng khách hàng, dựa trên đơn giá định mức đảm bảo có hiệu quả.

Hiện nay, thực hiện chủ trương của Nhà nước, đối với các gói dịch vụ Công ích thực hiện đấu thầu. Công ty tham gia đấu thầu như các đơn vị kinh doanh khác nên đòi hỏi Công ty cần có những chính sách linh hoạt và tốt hơn.

10.3. Nguồn nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu chủ yếu của Công ty là xăng – dầu các loại, điện chiếu sáng, nước tưới tiêu, nguyên nhiên liệu xử lý rác thải; vật liệu xây dựng phục vụ cho việc duy tu và thi công đường, hè phố...

Thời gian qua biến động giá cả thị trường đã khiến chi phí đầu vào của Công ty tăng cao gây ảnh hưởng đến lợi nhuận và hiệu quả hoạt động của Công ty.



Đặc thù hoạt động kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ công ích thực hiện theo đơn đặt hàng, kinh phí do ngân sách nhà nước chi trả, nên đơn giá thực hiện theo khung quy định của các cơ quan ban ngành, thiếu sự linh hoạt và không theo kịp với sự biến động của giá cả thị trường. Vì vậy hoạt động kinh doanh của Công ty hiện đang gặp không ít khó khăn, thậm chí một số hoạt động nếu tách ra hạch toán riêng lẻ thì sẽ bị lỗ.

Trong cơ cấu doanh thu qua các năm, trong đó doanh thu lĩnh vực công ích chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu (bình quân từ 80% – 90%), có ý nghĩa và quyết định rất lớn đến hiệu quả hoạt động của Công ty.

10.4. Thị trường của Công ty

Thị trường chủ yếu của Công ty là tại trung tâm tỉnh Sóc Trăng và các quận huyện trong địa bàn. Công tác giữ gìn vệ sinh môi trường, tạo cảnh quan đô thị luôn được các cấp lãnh đạo quan tâm. Công tác chăm sóc công viên cây xanh, vệ sinh môi trường thu gom vận chuyển rác trên hệ phố, các khu dân cư, chiếu sáng công cộng ... những năm trước đây được Công ty đảm nhận gần như toàn bộ.

10.5. Chi phí, doanh thu, lợi nhuận giai đoạn 2013-2015

↓ Chi phí của Công ty giai đoạn 2013-2015

Bảng 7: Chi phí giai đoạn 2013-2015

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
1	Doanh thu thuần	79.613		92.849		112.668	
2	Giá vốn hàng bán	59.341	74,54	67.605	72,81	80.742	71,66
3	Chi phí tài chính	86,17	0,11	-	-	1,53	0,01
	<i>Chi phí lãi vay</i>	<i>86,17</i>	<i>0,11</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1,53</i>	<i>0,01</i>
4	Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-
5	Chi phí QLDN	12.269	15,41	16.115	17,36	18.785	16,67
6	Chi phí khác	23	0,03	920	0,99	110	0,10
	Tổng cộng	71.719	90,09	84.640	91,16	99.638	88,45

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2013, 2014, 2015 của Công ty

Các khoản chi phí chủ yếu của Công ty là giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp, không có chi phí bán hàng. Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng cao so với doanh thu thuần, từ 71% – 82%; chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm từ 15%-17%.



Nhìn chung, tổng chi phí trên doanh thu thuần qua các năm của Công ty chiếm tỷ lệ từ trên 88% – 91%. Điều này cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hiệu quả chưa thật sự cao.

↓ **Lợi nhuận và các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Bảng 8: Lợi nhuận giai đoạn 2013-2015

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Doanh thu thuần	79.613	92.849	112.668
2	Lợi nhuận thuần từ SXKD	8.170	9.674	13.655
3	Lợi nhuận trước thuế	8.333	9.740	13.633
4	Lợi nhuận sau thuế	6.654	8.320	11.499

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2013, 2014, 2015 của Công ty

Bảng 9: Tổng hợp các chỉ tiêu tài chính chủ yếu giai đoạn 2013-2016

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,23	1,49	1,39
Hệ số thanh toán nhanh	lần	1,03	1,44	1,35
Hệ số thanh toán tiền mặt	lần	0,44	0,23	0,32
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0,36	0,41	0,44
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	0,56	0,69	0,79
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	lần/năm	14,94	41,71	50,59
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	1,44	1,19	1,25
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/DTT	%	8,36	8,96	10,21
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE)	%	18,79	18,08	22,78
Hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản (ROA)	%	12,07	10,71	12,72

Nguồn: BCTC đã kiểm toán 2013, 2014, 2015 của Công ty, VCBS tính toán



10.6. Hoạt động đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty đã sử dụng các nguồn vốn tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty, không đầu tư ra ngoài ngành nghề sản xuất kinh doanh chính.

10.7. Hoạt động Marketing

Trước khi cổ phần hóa, hoạt động Marketing chưa được chú trọng, không có bộ phận chuyên trách, chỉ quảng bá hình ảnh thông qua các hoạt động công tác xã hội mà Công ty đã thực hiện.

10.8. Trình độ công nghệ

So với các công ty hoạt động trong cùng lĩnh vực hiện nay, Công ty thuộc nhóm doanh nghiệp có trình độ công nghệ ở mức trung bình ngành. Phương tiện vận tải của Công ty ngoài một số được sản xuất trước năm 2000, còn lại mới được đầu tư trong vòng 05 năm trở lại đây với nhiều phương tiện chuyên dùng như xe cẩu, xe cuốn ép cỏ rác, xe hút chất thải...

Để đảm bảo đội xe vận hành tốt, Công ty có tổ sửa chữa chuyên phục vụ việc sửa chữa nhỏ và thay thế phụ tùng của các xe khi cần thiết. Máy móc thiết bị của tổ sửa chữa được trang bị tương đối đầy đủ.

10.9. Tình hình nghiên cứu phát triển sản phẩm mới

Với đặc thù loại hình kinh doanh của Công ty là hoạt động trong lĩnh vực công ích, cung ứng dịch vụ, do đó Công ty chủ yếu tập trung thực hiện các dịch vụ hiện có: thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải; quản lý, chăm sóc hệ thống cây xanh; duy tu bảo dưỡng hệ thống điện chiếu sáng công cộng nội thành và các hoạt động dịch vụ khác. Trong tương lai, khi chuyển đổi qua công ty cổ phần trong điều kiện thuận lợi, dự kiến phát triển thêm một số dịch vụ về môi trường.

10.10. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ

Trong hoạt động kiểm tra chất lượng, Công ty áp dụng các tiêu chuẩn quy định cho từng loại sản phẩm, dịch vụ riêng biệt. Bên cạnh đó, quá trình làm việc của từng Đội được quản lý, giám sát thông qua Nhật ký công tác và Báo cáo kết quả công việc.

Ngoài công tác tự kiểm tra của Công ty, còn có sự phối hợp kiểm tra, giám sát của các đơn vị đặt hàng để tiến hành nghiệm thu xác nhận chất lượng, khối lượng sản phẩm dịch vụ do Công ty cung cấp.

10.11. Thuế và nộp ngân sách Nhà nước

Nghĩa vụ nộp thuế vào ngân sách Nhà nước được Công ty thực hiện theo đúng quy định. Bên cạnh đó Công ty thực hiện tốt việc trích - nộp bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo hiểm thất nghiệp... đầy đủ theo luật định.

10.12. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Hiện nay, logo của Công ty được sử dụng như sau:


10.13. Tổng hợp kết quả hoạt động SXKD trước cổ phần hóa

Bảng 10: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2013-2015

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Tổng tài sản	55.145	77.722	90.415
2	Vốn Nhà nước	35.407	46.013	50.481
3	Nợ ngắn hạn	19.738	31.709	39.934
	Trong đó: Nợ quá hạn	-	-	-
4	Nợ dài hạn	-	-	-
	Trong đó: Nợ quá hạn	-	-	-
5	Các khoản phải thu	9.800	20.568	28.856
	Trong đó phải thu khó đòi	-	-	-
6	Nợ phải trả	19.738	31.709	39.934
	Trong đó: Nợ khó đòi	-	-	-
7	Doanh thu thuần	79.613	92.849	112.668
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	8.170	9.674	13.655
9	Lợi nhuận sau thuế	6.654	8.320	11.499
10	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn Nhà nước (%)	18,79	18,08	22,78

Nguồn: BCTC đã kiểm toán 2013, 2014, 2015 của Công ty, VCBS tính toán



10.14. Vị thế của doanh nghiệp trong ngành

Trên địa bàn thành phố hiện nay có một số doanh nghiệp cùng hoạt động lĩnh vực với Công ty. So sánh với các công ty trên, Công ty là đơn vị có bề dày hoạt động trong lĩnh vực môi trường như vệ sinh môi trường, vận chuyển, xử lý rác thải, cung cấp đa dạng các loại hình dịch vụ công ích. Đây là những lợi thế của Công ty đối với các công ty khác.

Khi quy mô thành phố mở rộng, tăng dân số, phát triển các khu đô thị, khu dân cư, hệ thống hạ tầng được nâng cấp,... thì khối lượng công việc như vệ sinh môi trường, nhà máy, xí nghiệp sẽ tăng lên, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh đó, với kinh nghiệm và tinh thần trách nhiệm trong công tác quản lý, cải tiến và bố trí sắp xếp lực lượng lao động phù hợp, thực hiện quy trình alo động một cách khoa học đối với lực lượng lao động có tay nghề, thâm niên, tiết kiệm chi phí, đầu tư phương tiện chuyên dùng... đáp ứng các yêu cầu xã hội cũng như những thách thức với xu hướng ngày càng phát triển của thành phố trong tương lai.

10.15. Triển vọng phát triển của ngành

Hiện nay, Việt Nam là một trong những nước đang phát triển và có tốc độ tăng trưởng hằng năm khá cao. Năm 1986, cả nước có 480 đô thị, năm 1990 là 500 đô thị, năm 2007 là 729 đô thị và đến năm 2012 cả nước đã có 755 đô thị. Mức sống của người dân đang có chiều hướng tăng cao, nhận thức và sự quan tâm của người dân về nét mỹ quan đô thị thành phố ngày càng được nâng cao. Đây là cơ hội cho sự phát triển lâu dài của Công ty trong tương lai.

Với tốc độ đô thị hóa ngày càng nhanh của Tỉnh Sóc Trăng, đồng thời quy mô dân số tăng qua từng năm ảnh hưởng lớn đến môi trường và tài nguyên thiên nhiên, sự cân bằng sinh thái: tài nguyên đất bị khai thác để xây dựng đô thị, làm giảm diện tích cây xanh và mặt nước, rác thải sinh hoạt, rác thải sản xuất ngày càng tăng đòi hỏi ngành vệ sinh công ích phải xây dựng kế hoạch phát triển một cách khoa học, hiệu quả để nâng cao chất lượng phục vụ cũng như là nền tảng để Công ty phát triển lâu dài, bền vững vượt qua các rào cản cạnh tranh của các doanh nghiệp khác.

**11. Tình hình đất đai doanh nghiệp đang quản lý và sử dụng****11.1. Hiện trạng sử dụng đất**

Tổng diện tích đất đai Công ty đang quản lý và sử dụng tại thời điểm 31/12/2015 là 853.364,64m². Cụ thể như sau:

Bảng 11: Tổng hợp diện tích đất đai của Công ty đang quản lý và sử dụng

Stt	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sử dụng (m ²)	Đất thuê /sở hữu	Hiện trạng sử dụng
1	Quốc lộ 1A, Khu phố 5, Phường 2, tỉnh Sóc Trăng.	2.948,4	2.948,4	Thuê đất	Trụ sở công ty
2	Áp Sóc Xoài, xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng	260.477,2	260.477,2		Nhà máy xử lý rác thải rắn
3	Áp Nghĩa Thắng, Xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	16.724,7	16.724,7		Nhà máy xử lý rác thải rắn
4	Phường 9, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	235.725,2	235.725,2		Lâm Viên
5	Xã An Ninh, Huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.	196.090,0	196.090,0		Nghĩa Trang Nhân Dân
6	Số 170 đường Mạc Đĩnh Chi, phường 1, TP Sóc Trăng.	552,6	552,6		Xi nghiệp Môi Trường
7	Số 17 đường Nguyễn Văn Trỗi, phường 1, TP Sóc Trăng.	126,4	126,4		Xi nghiệp Chiếu Sáng
8	Phường 1, xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	561,4	561,4	Thuê đất	Trụ sở Xi nghiệp Vĩnh Châu
9	Phường Vĩnh Phước, TX Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.	9.411,10	9.411,10		Bãi rác Vĩnh Châu
10	Khóm 5, phường 7, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.	61.522,9	61.522,9		Bãi Rác Phường 7
11	Khóm 5, phường 8, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.	69.224,74	69.224,74		Nhà máy xử lý nước thải

Nguồn: Công ty

11.2. Đánh giá về tình hình sử dụng đất



PHƯƠNG ÁN CỐ PHẦN HÓA

Trong các năm qua, Công ty đã sử dụng đất đúng mục đích và khai thác một cách có hiệu quả vào mục đích sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, việc quản lý đất đã đảm bảo theo đúng các quy định của Luật Đất đai năm 2003 cũng như các quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Việc giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, công tác đăng ký, chỉnh lý biên động quản lý hồ sơ địa chính được thực hiện đúng trình tự theo quy định.



III. GIÁ TRỊ THỰC TẾ CỦA DOANH NGHIỆP VÀ GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP

Căn cứ:

- Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng do Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam thực hiện.
- Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản của Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng tại thời điểm ngày 31/12/2015, số VC:17/03/06/DN ngày 20/3/2017.
- Quyết định số 1374/QĐ-UBND ngày 20/06/2017 của UBND tỉnh Sóc Trăng về giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng.

Tại thời điểm 31/12/2015, giá trị thực tế của doanh nghiệp và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp như sau:

- Tổng giá trị thực tế của doanh nghiệp: **106.732.113.128 đồng.**
- Tổng giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp: **57.584.294.654 đồng.**
- Tổng giá trị tài sản không cần dung, chờ thanh lý: **4.673.641.055 đồng**

Bảng 12: Tổng hợp kết quả đánh giá Công ty

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4) = (3) - (2)
A. TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III+IV)	85.741.370.385	106.732.113.128	20.990.742.743
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	28.590.092.153	34.174.792.935	5.584.700.782
I. Tài sản cố định	15.488.703.894	17.924.741.967	2.436.038.073
a. TSCĐ hữu hình	15.488.703.894	17.924.741.967	2.436.038.073
- Nhà cửa vật kiến trúc	8.260.965.894	8.033.647.679	-227.318.215
- Máy móc thiết bị	231.537.532	307.767.500	76.229.968
- Phương tiện vận tải	6.996.200.468	9.583.326.788	2.587.126.320
b. Tài sản vô hình không là quyền sử dụng đất	-	-	-

c. Bất động sản đầu tư	-	-	-
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
3. Chi phí XDCB dở dang	13.101.388.259	13.101.388.259	-
4. Chi phí trả trước dài hạn	-	3.148.662.709	3.148.662.709
- Chi phí trả trước dài hạn khác	-	3.148.662.709	3.148.662.709
5. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	55.612.225.832	55.630.304.166	18.078.334
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	12.616.682.444	12.616.682.908	464
- Tiền	12.616.682.444	12.616.682.908	464
- Các khoản tương đương tiền	-	-	-
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	12.378.184.526	12.377.889.750	(294.776)
3. Các khoản phải thu	28.855.779.600	28.874.152.246	18.372.646
- Phải thu khách hàng	17.724.229.636	17.724.229.636	-
- Trả trước cho người bán	7.745.226.290	7.745.226.290	-
- Các khoản phải thu khác	3.404.696.320	3.404.696.320	-
- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(18.372.646)	-	18.372.646
4. Hàng tồn kho	1.595.911.604	1.595.911.604	-
- Hàng tồn kho	1.595.911.604	1.595.911.604	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165.667.658	165.667.658	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn	87.910.207	87.910.207	-
- Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-
- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	77.757.451	77.757.451	-
- Tài sản ngắn hạn khác	-	-	-
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	-	7.713.112.427	7.713.112.427

1. Giá trị thương hiệu	-	903.212.500	903.212.500
2. Giá trị tiềm năng phát triển	-	6.809.899.927	6.809.899.927
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	1.539.052.400	9.213.903.600	7.674.851.200
B. TÀI SẢN KHÔNG CẢN DÙNG	4.292.271.974	4.292.271.974	-
C. TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	381.369.081	381.369.081	-
D. TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KT-PL	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DN (A+B+C+D)	90.415.011.440	111.405.754.183	20.990.742.743
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ CỦA DN (Mục A)	85.741.370.385	106.732.113.128	20.990.742.743
E1. Nợ thực tế phải trả	39.933.914.874	49.147.818.474	9.213.903.600
<i>(Trong đó: phải trả về tiền sử dụng đất)</i>	-	9.213.903.600	9.213.903.600
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHÂN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A-(E1+E2)]	45.807.455.511	57.584.294.654	11.776.839.143

Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng

Một số vấn đề tồn tại cần tiếp tục xử lý:

- Đối với Tài sản vô hình là Quyền sử dụng đất (đất nhận chuyển nhượng làm đường vào Lâm Viên, 25.095,10 m²) của Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng: do Công ty lựa chọn hình thức thuê đất không thu tiền sử dụng đất, nên giá trị còn lại của quyền sử dụng đất được chuyển sang Chi phí trả trước và phân bổ theo quy định.
- Giá đất xác định lại của Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng hiện đang là tạm tính. Do vậy, khi UBND Tỉnh có quyết định chính thức về giá đất thì Công ty sẽ thực hiện các thủ tục để điều chỉnh theo quy định.
- Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng chưa được kiểm tra quyết toán với cơ quan thuế địa phương. Vì vậy, số liệu quyết toán thuế sẽ được xử lý vào giai đoạn từ thời điểm xác định giá trị doanh



nghiệp đến thời điểm Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng chính thức chuyển sang Công ty cổ phần.

- Đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp còn một số công nợ phải thu, phải trả chưa có biên bản đối chiếu xác nhận. Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng sẽ tiếp tục đối chiếu xác nhận để hoàn thiện hồ sơ cho việc định giá cũng như công tác chuyển đổi doanh nghiệp sau này.

PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA**I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU VÀ HÌNH THỨC CỔ PHẦN HÓA****1. Mục tiêu cổ phần hóa**

Cổ phần hóa Công ty để hình thành công ty đa sở hữu, huy động vốn của các nhà đầu tư để nâng cao năng lực quản trị và tài chính.

Huy động và thu hút vốn đầu tư của các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Qua đó, tạo nguồn lực để phát triển Công ty, đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ và phương thức quản lý, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của Công ty trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

Tạo điều kiện cho người lao động và các cổ đông góp vốn tham gia giám sát, quản lý, gắn bó với Công ty, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tài sản của Nhà nước tại Công ty, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.

Đổi mới hình thức sở hữu, tạo điều kiện đổi mới trong quản lý Công ty, làm cho Công ty tự chủ hơn, năng động hơn và trách nhiệm hơn, phù hợp với cơ chế thị trường và tiến trình hội nhập thương mại quốc tế.

Thực hiện công khai minh bạch theo nguyên tắc thị trường, khắc phục tình trạng cổ phần khép kín trong nội bộ Công ty, gắn với thị trường vốn và chứng khoán.

2. Yêu cầu cổ phần hóa

Đảm bảo sự phát triển ổn định của Công ty sau cổ phần hóa.

Đảm bảo an toàn, không gây ra biến động lớn trong hoạt động của hệ thống sản xuất kinh doanh Công ty.

Đảm bảo hài hòa lợi ích Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động.

Thực hiện công khai minh bạch theo nguyên tắc thị trường.

3. Hình thức cổ phần hóa

Theo điều 4 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần có quy định các hình thức cổ phần hóa như sau:

- Giữ nguyên vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp, phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.
- Bán một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp hoặc kết hợp vừa bán bớt một phần vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.
- Bán toàn bộ vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp hoặc kết hợp vừa bán toàn bộ vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng Vốn điều lệ.



Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế của Công ty, Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng chọn hình thức “**bán một phần vốn nhà nước**” theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần.

II. DOANH NGHIỆP SAU KHI CỔ PHẦN HÓA

- Tên tiếng Việt: Tổng Công ty Cổ phần Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng
- Tên tiếng Anh: Soc Trang Public Works Joint Stock Company
- Tên giao dịch: Công ty Công trình Đô thị Sóc Trăng
- Tên viết tắt: SPWC
- Trụ sở: 422 Quốc lộ 1A, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.
- Điện thoại, Fax: (0299)382 2354 - (0299)382 5900
- Website: www.ctdtst.vn
- Email: ctdtst@vnn.vn
- Logo:



1. Hình thức pháp lý

Sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty

3.1. Quyền hạn của Công ty

- Được tiếp tục kế thừa các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH một thành viên Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng chuyển sang.
- Công ty có quyền tự chủ về quản lý sản xuất kinh doanh.
- Công ty có các quyền về quản lý tài chính.

3.2. Nghĩa vụ của Công ty

- Công ty kế thừa các nghĩa vụ của Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng chuyển sang.



- Công ty có nghĩa vụ quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của Điều lệ Công ty Cổ phần và các quy định của pháp luật.

3. **Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa**

Kế thừa các ngành nghề theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 2200177456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp, đăng ký lần đầu ngày 07/07/2010, thay đổi lần thứ 2 ngày 29/08/2013, ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác - Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh môi trường	8129 (Chính)
2	- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan - Chi tiết: Tư vấn xây dựng, tư vấn thiết kế công trình điện	7110
3	- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
4	- Xây dựng nhà các loại	4100
5	- Lắp đặt hệ thống điện	4321
6	- Vận tải bằng xe buýt	4920
7	- Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
8	- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
9	- Quảng cáo	7310
10	- Xây dựng công trình công ích	4220
11	- Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
12	- Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
13	- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ	4933
14	- Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa	5022
15	- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
16	- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
17	- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê - Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
18	- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
19	- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ - Chi tiết: xây dựng, duy tu, bảo dưỡng công trình đường bộ, hạ tầng kỹ thuật, đô thị, nghĩa trang, nghĩa địa	4210



20	- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan - Chi tiết: bán buôn xăng, dầu và các sản phẩm liên quan	4661
21	- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Chi tiết: khách sạn	5510
22	- Lắp đặt hệ thống cấp, thông nước, lò sưởi và điều hoà không khí - Chi tiết: lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước	4322
23	- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác - Chi tiết: bán buôn máy phát điện, động cơ điện, dây điện và các thiết bị dùng trong mạch điện	4659
24	- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
25	- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh - Chi tiết: trồng cây xanh, hoa kiểng	0118
26	- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống - Chi tiết: bán buôn hoa, chậu kiểng và cây xanh	4620
27	- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình - Chi tiết: bán buôn thùng rác công cộng	4649
28	- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632
29	- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng - Chi tiết: sản xuất cuốc, xẻng	2593
30	- Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại - Chi tiết: xử lý rác thải không độc hại	3821
31	- Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại - Chi tiết: xử lý rác thải độc hại	3822
32	- Thoát nước và xử lý nước thải	3700
33	- Chuẩn bị mặt bằng - Chi tiết: san lấp mặt bằng	4312

4. Cơ cấu tổ chức

Sau cổ phần hóa, Công ty hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, dưới sự quản lý, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc.

Dự kiến bộ máy tổ chức của Công ty như sau:



✚ **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

✚ **Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Dự kiến Hội đồng Quản trị của Công ty sẽ có 05 thành viên.

✚ **Thư ký Hội đồng quản trị**

01 người do Chủ tịch HĐQT bổ nhiệm.

✚ **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn. Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ. Dự kiến ban kiểm soát của Công ty có 03 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

✚ **Ban Tổng Giám đốc**

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp Tổng Giám đốc điều hành Công ty có các Phó Tổng giám đốc.

Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm, Chủ tịch HĐQT có thể kiêm Tổng giám đốc.

Các phó Tổng giám đốc của Công ty dự kiến có 03-04 thành viên.

✚ **Kế toán trưởng**

Kế toán trưởng do Tổng Giám đốc đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán của Công ty theo đúng quy định của pháp luật về tài chính, kế toán.

✚ **Bộ máy giúp việc**

Bộ máy giúp việc gồm các phòng ban chuyên môn, nghiệp vụ; Các chi nhánh; Các xí nghiệp.



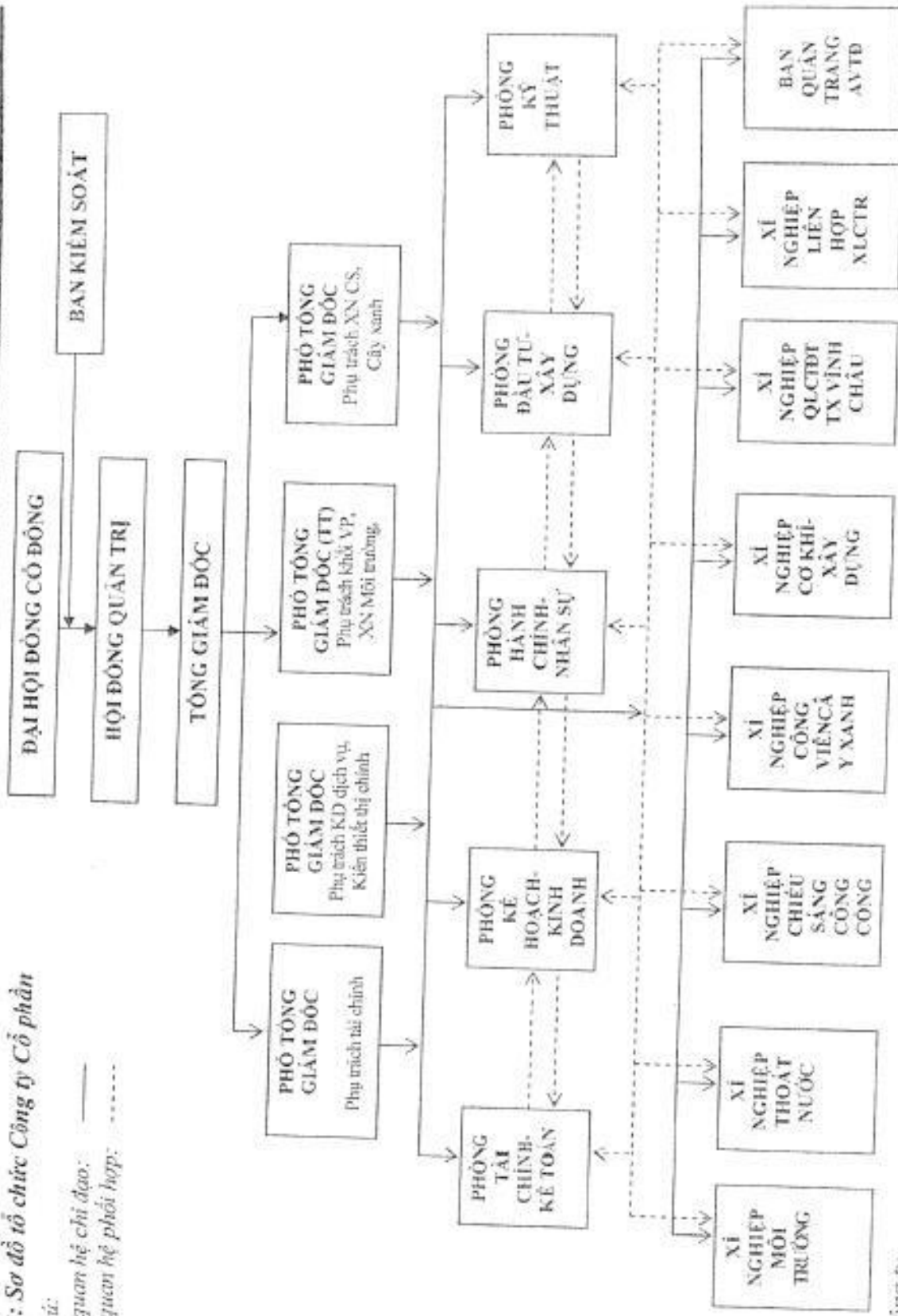
PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Sơ đồ 2: Sơ đồ tổ chức Công ty Cổ phần

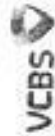
Ghi chú:

- Mối quan hệ chỉ đạo: —

- Mối quan hệ phối hợp: - - - - -



Nguồn: Công ty





Sau khi cổ phần hóa Công ty sẽ phát triển các Xí nghiệp lên thành các Công ty con của Công ty.

5. Vốn điều lệ

6.1. Căn cứ xác định vốn điều lệ

Căn cứ tại thời điểm 31/12/2015, giá trị thực tế của doanh nghiệp và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp như sau:

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp: **106.732.113.128 đồng.**
- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp: **57.584.294.654 đồng**

Nhu cầu vốn của Công ty bao gồm nhu cầu vốn lưu động và nhu cầu vốn đầu tư cơ bản sau cổ phần hóa nhằm hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra cho giai đoạn 2016 – 2018, cũng như tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững của Công ty.

6.2 Quy mô vốn điều lệ

- Vốn điều lệ: 56.000.000.000 đồng (năm mươi sáu tỷ đồng).
- Số lượng cổ phần: 5.600.000 cổ phần.
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

Trên cơ sở các căn cứ nêu trên, quy mô vốn điều lệ của Công ty cho giai đoạn sau cổ phần hóa (2018 – 2020) như sau:

Bảng 13: Quy mô vốn điều lệ giai đoạn 2018 – 2020

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Vốn điều lệ (đồng)	56.000.000.000	56.000.000.000	56.000.000.000

Nguồn: Công ty

6. Cổ phần

Tất cả cổ phần của Công ty tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông (đối với các cổ phần bán cho người lao động theo cam kết làm việc lâu dài tại doanh nghiệp, sau khi hết thời gian cam kết sẽ chuyển thành cổ đông phổ thông). Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của điều lệ công ty cổ phần và quy định của pháp luật có liên quan.

7. Đối tượng mua cổ phần

Theo Điều 6 của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 và chủ trương của Chính phủ, đối tượng mua cổ phần lần đầu bao gồm:

- Cán bộ công nhân viên của Công ty (người lao động đang làm việc tại Trụ sở chính Công ty, các Xi nghiệp, đơn vị trực thuộc Công ty) có mặt tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp ngày 20/06/2017.
- Tổ chức Công đoàn của Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng
- Các nhà đầu tư trong và ngoài nước.
- Nhà đầu tư chiến lược

8. Cơ cấu vốn điều lệ theo cổ phần sở hữu của các cổ đông

Công ty đề xuất xây dựng phương án Nhà nước nắm giữ cổ phần ở mức 36% vốn điều lệ. Cơ cấu vốn điều lệ theo cổ phần sở hữu của cổ đông dự kiến như sau:

Stt	Cổ đông	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Số cổ phần (CP)	Giá trị cổ phần (đồng)
1	Cổ đông Nhà nước	36,00	2.016.000	20.160.000.000
2	Cổ đông là CBCNV (2.1+2.2)	13,20	738.900	7.389.000.000
2.1	<i>Cổ phần bán giá ưu đãi bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất</i>	6,10	<i>341.500</i>	<i>3.415.000.000</i>
2.2	<i>Cổ phần đăng ký mua thêm theo số năm cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp</i>	7,10	<i>397.400</i>	<i>3.974.000.000</i>
3	Tổ chức Công đoàn Công ty	2,88	161.100	1.611.000.000
4	Cổ phần bán đấu giá cho các nhà đầu tư thông thường	12,21	684.000	6.840.000.000
5	Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược	35,71	2.000.000	20.000.000.000
	Cộng	100	5.600.000	56.000.000.000

Nguồn: Công ty

9. Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược

9.1. Mục đích lựa chọn nhà đầu tư chiến lược

Khi thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng, Công ty mong muốn lựa chọn nhà đầu tư chiến lược có ngành nghề kinh doanh phù hợp, có tiềm lực về tài chính, có kinh nghiệm và năng lực trong quản lý kinh

doanh nghiệp, có uy tín trong ngành, có khả năng tìm kiếm, phát triển thị trường mới Công ty sau khi chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần nâng cao hiệu quả quản lý doanh nghiệp và tăng cường sức cạnh tranh của Công ty trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

9.2. Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược

Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược thực hiện theo Quyết định số 1494/QĐ-UBND ngày 23/6/2017 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt tiêu chí lựa chọn, phương thức bán cổ phần lần đầu cho nhà đầu tư chiến lược để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV công trình đô thị tỉnh Sóc Trăng.

✚ Tiêu chí chung:

Nhà đầu tư chiến lược là các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài có năng lực tài chính và có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền trong việc gắn bó lợi ích lâu dài với Công ty và hỗ trợ Công ty sau cổ phần hóa về:

- Chuyển giao công nghệ mới, đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao năng lực tài chính, quản trị doanh nghiệp, tiếp tục hợp tác đầu tư, phát triển thị trường theo chiến lược phát triển của Công ty.
- Nhà đầu tư chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 05 năm, kể từ ngày công ty cổ phần được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng cổ phần trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

✚ Tiêu chí cụ thể:

a) Là nhà đầu tư có năng lực về tài chính và kết quả kinh doanh thể hiện trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, đáp ứng các chỉ tiêu sau:

- Vốn chủ sở hữu (không tính lợi nhuận chưa phân phối) tối thiểu đạt 45 tỷ đồng (bốn mươi năm tỷ đồng).

- Chỉ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu không vượt quá 03 lần.

- Doanh thu tối thiểu 120 tỷ đồng/năm (một trăm hai mươi tỷ đồng).

- Hoạt động kinh doanh có lãi trong 03 năm 2014, 2015, 2016 và không có lỗ lũy kế.

- Không vi phạm pháp luật, không có nợ xấu của các tổ chức tín dụng.

b) Nhà đầu tư chiến lược phải có ngành nghề kinh doanh phù hợp với ngành nghề của Công ty, có kinh nghiệm và hỗ trợ Công ty sau cổ phần hóa, áp dụng những công nghệ hiện đại và tiên tiến trong lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải, thu gom xử lý chất thải rắn, quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng hoặc có các ngành sản xuất kinh doanh máy móc thiết bị, phương tiện chuyên dùng phục vụ cho lĩnh vực hoạt động của Công ty.

c) Chứng minh có đủ nguồn tiền để thực hiện việc mua cổ phần khi tham gia thành nhà đầu tư chiến lược; thực hiện nộp tiền cọc 10% giá trị cổ phần đăng ký mua theo giá khởi điểm theo quy định của pháp luật; thực hiện ký quỹ hoặc có bảo lãnh thanh toán của ngân hàng đối với số tiền mua cổ phần, nguồn tiền dùng để mua cổ phần có nguồn gốc hợp pháp theo đúng các quy định có liên quan. Trường hợp từ bỏ quyền mua, nhà đầu tư chiến lược không được nhận lại tiền đặt cọc.

d) Có cam kết bằng văn bản về việc mua hết số lượng cổ phần đăng ký mua.

e) Trường hợp nhà đầu tư chiến lược không thực hiện đúng cam kết, vi phạm hạn chế chuyển nhượng theo quy định thì phải bồi thường mọi tổn thất xảy ra theo đúng hợp đồng cam kết và quy định của pháp luật hiện hành.

9.3. Phương thức và quy mô chào bán cổ phần lần đầu cho nhà đầu tư chiến lược

Phương thức chào bán:

- Phương thức bán: bán cho nhà đầu tư chiến lược bằng phương thức thỏa thuận trực tiếp sau khi bán đấu giá công khai.
- Giá bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược: do Ban Chỉ đạo cổ phần hóa thỏa thuận nhưng không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.

Quy mô chào bán:

- Tổng số lượng cổ phần chào bán cho nhà đầu tư chiến lược là 35,71% cơ cấu vốn điều lệ sau cổ phần của Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng tương ứng 2.000.000 cổ phần.
- Số lượng nhà đầu tư chiến lược lựa chọn 02 nhà đầu tư.

10. Cổ phần ưu đãi bán cho cán bộ công nhân viên

10.1. Mục tiêu

Mục tiêu của việc bán cổ phần cho người lao động được thực hiện theo chính sách của Nhà nước nhằm gắn kết người lao động với Công ty, đồng thời nhìn nhận những đóng góp của người lao động với giá trị của Công ty và tạo động lực cho người lao động gắn bó tương lai với Công ty.

10.2. Quy mô

Số lượng cổ phần Công ty bán ưu đãi cho người lao động là 738.900 cổ phần, tương ứng với 13,20% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần. Bao gồm:

- ✦ **Cổ phần chào bán cho CBCNV theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước:**

Cổ phần được ưu đãi giảm giá bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP được thực hiện tại Công ty theo danh sách đã được Đại hội đại biểu người lao động bất thường thông qua:

- Tổng số người lao động trong danh sách lao động của Công ty tại thời điểm ngày 20/06/2017: 463 người.
- Tổng số người được mua cổ phần giá ưu đãi: 423 người; 40 người không đủ điều kiện do thời gian công tác tại khu vực nhà nước dưới 1 năm.
- Tổng số người đăng ký mua cổ phần giá ưu đãi: 423 người.
- Tổng số năm làm việc trong khu vực Nhà nước tương ứng của số người đăng ký tham gia mua cổ phần giá ưu đãi theo chế độ quy định: 3.415 năm.
- Số cổ phần giá ưu đãi của 423 người đã đăng ký mua theo số năm làm việc trong khu vực Nhà nước: 341.500 cổ phần.
- Thời gian bán cổ phần cho CBCNV: Sau khi phương án cổ phần hóa của Công ty được phê duyệt, trên cơ sở kết quả bán đấu giá cổ phần công khai, Công ty sẽ triển khai bán cổ phần cho người lao động.
- Giá bán: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này bằng 60% giá bán thành công thấp nhất của cuộc đấu giá cổ phần công khai.
- **Cổ phần người lao động đăng ký mua thêm theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP được thực hiện tại Công ty theo danh sách đã được Hội nghị người lao động bất thường thông qua.**
 - Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) sẽ được mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động.
 - Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao làm việc tại doanh nghiệp được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động. Doanh nghiệp cổ phần hóa căn cứ đặc thù ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của mình xây dựng và quyết định các tiêu chí để xác

- định chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao và phải được nhất trí thông qua tại Đại hội công nhân viên chức của doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa.
- Tiêu chí để xác định chuyên gia giỏi có trình độ nghiệp vụ cao đã được Đại hội đại biểu người lao động nhất trí thông qua.
 - ✓ Về điều kiện:
 - Độ tuổi: Nam từ 57 tuổi trở xuống và Nữ từ 52 tuổi trở xuống
 - Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa;
 - Thuộc đối tượng Công ty cần sử dụng;
 - Có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu).
 - ✓ Tiêu chí để xác định chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao được Công ty xây dựng như sau: Người lao động trong Công ty đáp ứng một trong các điều kiện sau:
 - Cán bộ chủ chốt Công ty (gồm: Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng; Trưởng/Phó Phòng, Giám đốc/Phó Giám đốc Xí nghiệp, Đội trưởng/Đội phó trực thuộc Công ty);
 - Chủ tịch Công đoàn cơ sở Công ty; Bí thư Đoàn thanh niên Công ty;
 - Cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, có thâm niên làm việc cho Công ty từ 05 năm trở lên.
 - Tổng số lao động của Công ty có trong danh sách tại thời điểm ngày 20/06/2016 thuộc đối tượng chuyển sang làm việc tiếp tại công ty cổ phần 428 người.
 - Tổng số người tham gia đăng ký mua thêm cổ phần theo mức 200 cổ phần/1 năm cam kết làm việc tiếp cho doanh nghiệp là: 166 người; Số cổ phần người lao động đăng ký mua thêm theo tiêu chuẩn này: 255.400 cổ phần.
 - Tổng số người tham gia đăng ký mua thêm cổ phần theo mức 500 cổ phần/1 năm cam kết làm việc tiếp cho doanh nghiệp là: 36 người; Số cổ phần người lao động đăng ký mua thêm theo tiêu chuẩn này: 142.000 cổ phần.
 - Giá bán: Theo quy định tại Khoản 2b Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này bằng giá bán thành công thấp nhất của cuộc đấu giá cổ phần công khai.

- Thời gian bán cổ phần cho CBCNV: Sau khi phương án cổ phần hóa của Công ty được phê duyệt, trên cơ sở kết quả bán đấu giá cổ phần công khai, Công ty sẽ triển khai bán cổ phần cho người lao động.
- Số cổ phần bán cho CBCNV trong trường hợp này được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau khi kết thúc thời gian cam kết.

11. Cổ phần bán cho tổ chức Công đoàn Công ty

Căn cứ Công văn Công đoàn Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng về việc tham gia mua cổ phần ưu đãi khi cổ phần hóa Công ty. Tổ chức Công đoàn Công ty đăng ký cổ phần ưu đãi với số lượng cổ phần đăng ký mua và giá bán như sau:

- Số cổ phần tổ chức công đoàn đăng ký mua: 161.100 cổ phần tương ứng 2,88% vốn điều lệ của Công ty sau cổ phần hóa.
- Thời gian bán cổ phần cho Tổ chức công đoàn: Sau khi phương án cổ phần hóa của Công ty được phê duyệt, trên cơ sở kết quả bán đấu giá cổ phần công khai, Công ty sẽ triển khai bán cổ phần cho tổ chức Công đoàn.
- Giá bán: Theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 thì giá bán cổ phần cho tổ chức công đoàn được xác định bằng 60% giá bán thành công thấp nhất của cuộc đấu giá cổ phần công khai.
- Nguồn: nguồn quỹ Công đoàn của Công ty.
- Số cổ phần ưu đãi này do tổ chức công đoàn Công ty nắm giữ nhưng không được chuyển nhượng.

12. Cổ phần bán đấu giá cho các nhà đầu tư thông thường

Số cổ phần bán đấu giá sẽ được bán cho các nhà đầu tư theo hình thức bán đấu giá ra công chúng thông qua tổ chức tài chính trung gian là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Cụ thể như sau:

- Số cổ phần tổ chức bán đấu giá cho các nhà đầu tư: 684.000 cổ phần, tương đương 12,21% vốn điều lệ của Công ty.
- Đối tượng tham gia đấu giá: Tất cả các nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân trong nước hoặc nước ngoài đáp ứng quy định của Nghị định 59/2011/NĐ-CP.

✦ Giá khởi điểm

Căn cứ giá trị doanh nghiệp, tình hình thị trường chứng khoán và tình hình suy thoái kinh tế toàn cầu hiện nay tác động xấu đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành nói riêng nên Công ty đề xuất mức giá khởi điểm là 10.000 đồng/1 cổ phần.



↓ Thời gian bán cổ phần

Sau khi được phê duyệt Phương án cổ phần hóa, Công ty triển khai theo kế hoạch bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược, bán cổ phần cho người lao động của Công ty, bán cổ phần cho tổ chức công đoàn và bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng.

↓ Cơ quan bán đấu giá cổ phần

Theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 thì toàn bộ cổ phần bán đấu giá (684.000 cổ phần) được Công ty lựa chọn tổ chức bán tại Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

13. Kế hoạch đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán

Sau khi chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty Cổ phần (Công ty) sẽ căn cứ vào quy mô vốn điều lệ và số lượng cổ đông thực tế nếu đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật sẽ thực hiện đăng ký Công ty đại chúng tại Ủy ban chứng khoán Nhà nước, đăng ký lưu ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch chứng khoán tập trung UPCoM trong thời hạn (90) chín mươi ngày. Trong trường hợp Công ty đủ điều kiện niêm yết, Công ty có thể thực hiện niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.

10. PHƯƠNG ÁN LAO ĐỘNG

I. Kế hoạch sắp xếp lao động

Phương án sử dụng lao động sau cổ phần hóa tại Công ty như sau:

Bảng 14: Kế hoạch sắp xếp lao động của Công ty

Stt	Chỉ tiêu	Số lượng (người)
I	Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	463
1	Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động (Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên)	2
2	Lao động làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn	417
3	Lao động làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	44
4	Lao động làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 03 tháng (có tham gia bảo hiểm xã hội)	0
II	Tổng số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	35



1	Số lao động đủ điều kiện hưu theo chế độ hiện hành	0
2	Số lao động sẽ chấm dứt hợp đồng lao động	02
3	Lao động chờ nghỉ việc theo quyết định của Giám đốc	0
4	Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	33
III	Số lao động còn hạn hợp đồng lao động sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần	428
1	Số lao động mà hợp đồng lao động còn thời hạn (gồm cả thử việc)	428
2	Số lao động nghỉ theo chế độ bảo hiểm xã hội	0
3	Số lao động đang tạm hoãn hợp đồng lao động	0

Nguồn: Công ty

2. Kế hoạch xử lý lao động dôi dư

2.1. Lao động trước khi sắp xếp:

Tổng số lao động thường xuyên đến thời điểm 20/06/2017 là: 463 người, trong đó nữ: 111 người. Trong đó:

- Số lao động đang làm việc theo hợp đồng lao động: 461 người.
- Số lao động đang ngừng việc: 06 người.
- Số lao động đang nghỉ việc hưởng chế độ bảo hiểm xã hội: 08 người.
- Số lao động đang nghỉ việc không hưởng lương: 0 người.
- Số lao động đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động: 0 người.

2.2. Phương án sử dụng lao động:

Số lao động tiếp tục sử dụng tại công ty sau khi sắp xếp lại: 428 người, trong đó nữ: 97 người. Trong đó:

- Số lao động tiếp tục sử dụng: 428 người.
- Số lao động được đưa đi đào tạo lại để tiếp tục sử dụng: 0 người;
- Số lao động chuyển sang làm việc không trọn thời gian: 0 người.
- Số lao động chấm dứt hợp đồng lao động: 02 người.

Số lao động được tuyển dụng lần cuối cùng trước ngày 21 tháng 4 năm 1998 không bố trí được việc làm và phải chấm dứt hợp đồng lao động: 9 người. Trong đó:

- Số lao động nghỉ hưu trước tuổi: 04 người;



- Số lao động đủ tuổi nghỉ hưu nhưng thiếu thời gian đóng BHXH: 0 người;
- Số lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động: 05 người;
Số lao động được tuyển dụng lần cuối cùng từ ngày 21 tháng 4 năm 1998 trở về sau không bố trí được việc làm và phải chấm dứt hợp đồng lao động: 24 người, trong đó nữ: 12 người.

2.3. Kinh phí dự kiến (thực hiện theo Nghị định 63/2015/NĐ-CP và Thông tư 44/2015/TT-BLĐTBXH):

Tổng kinh phí dự kiến thực hiện chính sách: 824.503.800 đồng. Trong đó:

- Thực hiện chế độ đối với lao động nghỉ hưu trước tuổi: 04 người, số tiền 174.974.800 đồng.
- Thực hiện chế độ đối với lao động tuyển dụng lần cuối cùng trước ngày 21 tháng 4 năm 1998, không bố trí được việc làm và phải chấm dứt hợp đồng lao động: 05 người, số tiền 552.741.500 đồng.
- Thực hiện chế độ đối với số lao động được tuyển dụng lần cuối cùng từ ngày 21 tháng 4 năm 1998 trở về sau, không bố trí được việc làm và phải chấm dứt hợp đồng lao động: 04 người, số tiền 96.787.500 đồng.

2.4. Nguồn kinh phí đảm bảo

Tổng kinh phí dự kiến thực hiện chính sách: 824.503.800 đồng. Trong đó:

- Nguồn từ tiền bán cổ phần lần đầu của doanh nghiệp: 727.716.300 đồng.
- Chi phí của doanh nghiệp: 96.787.500 đồng.

3. Kế hoạch tuyển dụng, đào tạo và đào tạo lại lao động giai đoạn 2018-2020

↳ **Kế hoạch tuyển dụng**

Công ty chưa có kế hoạch tuyển dụng nhân sự mới. Ban Lãnh đạo Công ty sau cổ phần sẽ xây dựng kế hoạch tuyển dụng.

↳ **Kế hoạch đào tạo và đào tạo lại**

Công ty không có nhu cầu đào tạo lại. Tất cả các cán bộ chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần đều đáp ứng đủ yêu cầu làm việc.

11. CÁC RỦI RO CỦA DỰ CHÀO BÁN CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY

↳ **Rủi ro về kinh tế**

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro nhất định, bởi sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế, nên hoạt động kinh doanh của Công ty cũng sẽ chịu những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp từ sự thay đổi của những nhân tố đó.



↓ **Rủi ro về luật pháp**

Sau khi hoàn thành công tác cổ phần hóa, mọi hoạt động kinh doanh của Công ty đều chịu ảnh hưởng bởi các quy định của pháp luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại, Luật Chứng khoán, các luật về thuế... và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Hiện nay, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của nước ta đã dần hoàn thiện và luôn được thay đổi cho phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế, xã hội. Tuy nhiên, hệ thống văn bản này còn phải tiếp tục điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. Do vậy, việc nâng cao tính ổn định về các chính sách pháp luật của Nhà nước là hết sức cần thiết cho các doanh nghiệp, đặc biệt khi nền kinh tế Việt Nam đang từng bước hòa nhập với sự vận động và phát triển không ngừng của nền kinh tế thế giới.

↓ **Rủi ro của đợt chào bán**

Đợt chào bán của Công ty là đợt chào bán lần đầu ra công chúng nên tính thanh khoản thấp hơn so với các công ty hoạt động trong cùng lĩnh vực có cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch.

Đợt chào bán cổ phần của Công ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán niêm yết tại thời điểm chính thức đấu giá, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như tính hấp dẫn cổ phần của Công ty. Vì vậy, có thể có rủi ro không bán hết số cổ phần dự định chào bán.

↓ **Rủi ro khác**

Bên cạnh những yếu tố rủi ro đã nêu trên, còn có các yếu tố rủi ro xảy ra do hiện tượng thiên nhiên khách quan, mang tính bất khả kháng như thiên tai (bão, lụt, hạn hán, dịch bệnh, động đất...), chiến tranh hoặc hỏa hoạn... Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây ra không ít khó khăn và ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

12. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA

1. **Chi phí cổ phần hóa**

Quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 01/04/2016 của UBND Tỉnh Sóc Trăng, về việc phê duyệt dự toán chi phí cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng và Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 22/2/2017 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi phí cổ phần hóa Công ty TNHH MTV công trình đô thị tỉnh Sóc Trăng, Công ty dự kiến các khoản chi phí cổ phần hóa như sau:

Bảng 15: Tổng dự toán chi phí cổ phần hóa

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nội dung công việc	Số tiền
1	Tiền thuê tư vấn xác định GTDN	120.000.000
2	Thuê tư vấn cổ phần hóa	120.000.000
3	Thù lao Ban chỉ đạo cổ phần hóa và Tổ giúp việc	181.000.000
4	Thuê kiểm toán xác định giá trị Doanh nghiệp lần 2	100.000.000
5	Thuê văn phòng Đăng ký QSDĐ tính đo đạc xác định diện tích đất	174.487.725
6	Chi phí khác	22.000.000
	Tổng cộng	718.287.725

Nguồn: Công ty

Ghi chú: Chi phí này đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng;

2. Số tiền thu được từ bán phần vốn Nhà nước

Do chưa tổ chức bán đấu giá, chưa xác định được giá đấu thành công và giá đấu thành công thấp nhất nên Công ty tạm tính số tiền thu từ cổ phần hóa theo phương án giá định tất cả số lượng cổ phần bán ra được mua với giá theo giá khởi điểm là 10.000 đồng/cổ phần, sau khi có giá chính thức sẽ điều chỉnh theo, cụ thể như sau:

Bảng 16: Dự kiến số tiền thu được từ bán phần vốn Nhà nước

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp	57.584.294.654
2	Các khoản tiền thu từ cổ phần hóa	33.829.600.000
2.1	Thu từ bán cổ phần cho người lao động	6.023.000.000
2.1.1	<i>Bán giá ưu đãi theo thâm niên</i>	<i>2.049.000.000</i>
2.1.2	<i>Bán giá theo cam kết làm việc lâu dài</i>	<i>3.974.000.000</i>
2.2	Thu từ bán cổ phần cho tổ chức công đoàn	966.600.000
2.3	Thu từ bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược	20.000.000.000
2.4	Thu từ bán đấu giá cổ phần	6.840.000.000
3	Vốn điều lệ của Công ty sau cổ phần	56.000.000.000
4	Chi phí cổ phần hóa dự kiến	718.287.725
5	Chi phí giải quyết cho lao động dôi dư	727.716.300

6	Số tiền thu từ bán phần vốn Nhà nước còn lại sau khi trừ đi các khoản chi theo quy định [(1+2-3-4-5)]	33.967.890.629
---	---	----------------

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại Mục III Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính.



IV. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Kế hoạch đầu tư sau cổ phần hóa

1.1. Dự án Nhà máy xử lý chất thải rắn Thành phố Sóc Trăng:

Năm 2017, Công ty được UBND tỉnh giao quản lý, vận hành nhà máy xử lý chất thải rắn từ dự án đầu tư xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn thành phố Sóc Trăng và các vùng lân cận thuộc tỉnh Sóc Trăng:

- Tổng mức đầu tư: 10.322.584 USD tương đương 215.948.466.000VND (trong đó vốn ODA của Naury 82%, vốn đối ứng trong nước 18%). Trong đó Công ty thực hiện ký kết hợp đồng vay lại 20% vốn vay ODA của Chính phủ Naury với giá trị 35.415.548.424 đồng (tương đương 1.692.903,8 USD).
- Công suất xử lý rác dự kiến 160 tấn/ngày.
- Diện tích đất sử dụng là 27,37ha (đất thuê, trả tiền thuê đất hàng năm) tại Xã Đại Tâm- huyện Mỹ Xuyên và xã Phú Mỹ - huyện Mỹ Tú.
- Mục tiêu đầu tư: thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải, sản xuất phân vi sinh từ nguồn rác thải bán ra thị trường bên ngoài.

1.2. Dự án xử lý chất thải công nghiệp (nguy hại và không nguy hại) tại Khu xử lý rác thải thành phố Sóc Trăng và các vùng lân cận tỉnh Sóc Trăng:

- Năm 2018, Công ty đầu tư hệ thống lò đốt xử lý chất thải công nghiệp nguy hại và không nguy hại với công suất thiết kế 54 tấn/ngày xử lý chất thải là thiết bị điện, linh kiện điện tử, pin, acquy chì, bóng đèn huỳnh quang, kim loại, nhựa dính dầu, hóa chất ... Và hệ thống thiết bị, công nghệ để xử lý chất thải công nghiệp không nguy hại với công suất thiết kế 500 tấn/ngày (xi than và cặn vô cơ 400 tấn, bùn thải và chất thải khác 100 tấn) kết hợp sản xuất gạch không nung, tái chế xi than làm vật liệu xây dựng, ô chôn lấp chất thải công nghiệp hợp vệ sinh.
- Tổng mức đầu tư dự kiến 30 tỷ đồng, bằng nguồn vốn của Công ty. Diện tích đất dự án là 3,81 ha, được sử dụng trong khu đất thuộc Dự án nhà máy xử lý chất thải rắn.
- Mục tiêu đầu tư: xử lý chất thải công nghiệp nguy hại và không nguy hại cho các cụm, khu công nghiệp, nhà máy nhiệt điện của tỉnh Sóc Trăng và các tỉnh trong khu vực Đồng bằng sông cửu long.

1.3. Dự án An Viên Thiên đường Sóc Trăng:

- Tổng mức đầu tư: 93.375.901.990 đồng, bằng nguồn vốn của Công ty.
- Mục tiêu đầu tư: phục vụ nhu cầu mai táng ngày càng tăng của nhân dân thành phố Sóc Trăng và các huyện lân cận trong tỉnh, giảm thiểu tác động môi trường.



- Diện tích đất 193.628,8 m² (hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất).
- Tổng số lô mộ cho toàn dự án là: 12.904 mộ.
- Địa điểm: xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.
- Công ty đã thi công hoàn thành các hạng mục hạ tầng giai đoạn 1 của dự án, giá trị đầu tư đến 31/12/2016 là 29.969.531.599 đồng, dự kiến đưa dự án vào khai thác chính thức ngày 01/7/2017.

Năm 2018 sẽ tiếp tục đầu tư các hạng mục như: Kè mái kênh, lát đan giữa các lô mộ, trồng cây xanh, san lấp mặt bằng, chòi nghỉ kết hợp nhà vệ sinh, hệ thống thoát nước tổng thể, hệ thống giao thông nội bộ - vỉa hè, chiếu sáng ngoại vi, với giá trị 15.867.953.891 đồng;

Năm 2019 Công ty tiếp tục đầu tư thêm các hạng mục: San lấp mặt bằng, Lát đan giữa các lô mộ, hệ thống giao thông nội bộ - vỉa hè với tổng giá trị là: 7.826.733.200 đồng.

Năm 2020 trở đi thực hiện đầu tư theo tiến độ khai thác của dự án.

Khi đưa An viên Thiên đường vào hoạt động có hiệu quả rất đáng kể vì hiện nay trong tỉnh chưa có nghĩa trang đảm bảo vệ sinh môi trường, là điều kiện thuận lợi cho việc di dời các nghĩa trang không theo quy hoạch chung hoặc phải giải tỏa do quy hoạch sử dụng đất để làm các dự án đầu tư khác.

1.4. Trụ sở xây dựng nhà quản lý vườn ươm tại khu lâm viên

- Địa điểm: tại phường 9 Tp.Sóc Trăng
- Tổng diện tích đất để làm khu vườn ươm là: 25.095,1m².
- Tổng mức đầu tư xây dựng dự kiến: 3.275.000.000 đồng.
- Diện tích xây dựng nhà quản lý: 329 m².
- Dự kiến kế hoạch triển khai thi công trong quý IV năm 2017.

1.5. Trụ sở Xí nghiệp Môi Trường đường Mạc Đĩnh Chi, phường 9 TP ST

- Địa điểm: tại phường 9 Tp.Sóc Trăng
- Tổng mức đầu tư dự kiến: 2.500.000.000 đồng.
- Diện tích xây dựng: 196 m².
- Dự kiến kế hoạch triển khai thi công trong quý IV năm 2017.

1.6. Ngoài ra Công ty được UBND tỉnh giao làm chủ đầu tư dự án Thoát Nước và xử lý nước thải thành phố Sóc Trăng (GD2):

- Tổng mức đầu tư: 427.058.789.046 đồng (tương đương 16.010.902 Euro).



- Nguồn vốn vay ưu đãi ODA của Chính phủ Đức (70%): 298.941.168.336 đồng (tương đương 11.207.632 Euro); vốn đối ứng trong nước (30%): 128.117.620.710 đồng (tương đương 4.803.270 Euro).
 - Diện tích đất sử dụng: 68.269,4m²(đất thuê, trả tiền thuê đất hàng năm) tại khóm 5 phường 8 Tp.Sóc Trăng.
 - Mục tiêu đầu tư: Xây dựng hệ thống cống thoát nước cấp 3 và thực hiện đấu nối hộ gia đình với diện tích 160ha và 33.000 dân từ các khu vực này và xây dựng mới thêm một phần hệ thống cống thoát nước cấp 1 và cấp 2 trong khu vực dự án;
 - Nâng cấp nhà máy xử lý nước thải tập trung bằng phương pháp xử lý cơ học công suất 13.180m³/ngày đêm thành Nhà máy xử lý nước thải theo phương pháp sinh học với công suất 24.000 m³/ngày đêm;
 - Đầu tư trang thiết bị chuyên dùng để phục vụ hoạt động quản lý, vận hành hệ thống thoát nước công cộng của thành phố.
 - Thời gian thực hiện dự án: Dự kiến quý 4/2017 sẽ khởi công xây dựng và hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2019.
- 1.7. Đầu tư công nghệ sản xuất phân hữu cơ vi sinh đạt quy chuẩn bán ra thị trường từ nguồn bùn thải của Nhà máy xử lý nước thải và rác thải hữu cơ của Nhà máy xử lý chất thải rắn.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016 – 2020 của Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng đã được UBND tỉnh phê duyệt; kết quả sản xuất kinh doanh 3 năm 2014-2016 và kế hoạch năm 2017 đang thực hiện cũng như căn cứ tình hình kinh tế trong nước và của tỉnh Sóc Trăng hiện nay. Trên cơ sở năng lực hiện có, Công ty định hướng chiến lược và lập kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 năm 2018 – 2020 cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Vốn điều lệ	Triệu đồng	56.000	56.000	56.000
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	121.010	131.263	138.202
3	Mức tăng trưởng doanh thu	%		8,47	5,28
4	Tổng chi phí	Triệu đồng	111.346	120.839	127.222
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	9.664	10.424	10.980
6	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	8.021	8.652	9.114
7	Trích lập các quỹ	Triệu đồng	3.541	3.892	4.074
8	Chia cổ tức	Triệu đồng	4.480	4.760	5.040



9	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	8	8,5	9
10	Thu nhập trên 01 cổ phiếu	Đồng	800	850	900
11	Tổng số lao động	Người	432	432	432
12	Thu nhập bình quân	Triệu đồng/người/tháng	6,83	6,95	7,02
13	Nộp ngân sách	Triệu đồng	8.843	9.372	10.166

Nguồn: Công ty

3. Giải pháp thực hiện

3.1. Nhóm giải pháp về vốn, tài chính

❖ Thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực tài chính

- Tăng cường các hình thức huy động vốn để đảm bảo vốn cho các hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty, giảm bớt sức ép từ lãi vay ngân hàng, đồng thời tích lũy vốn để mở rộng đầu tư phát triển. Công ty cần phát huy các nguồn vốn để bổ sung vốn kinh doanh, vốn điều lệ.
- Tăng cường làm việc với ngân hàng đã có quan hệ tín dụng để cơ cấu lại các khoản nợ, điều chỉnh lại các khoản nợ, giảm lãi vay nhằm giảm bớt gánh nặng về tài chính.
- Đẩy mạnh việc thanh quyết toán và thu hồi công nợ.
- Thực hiện chính sách tiết kiệm, hạn chế chi tiêu; chú trọng sử dụng vốn vay một cách hiệu quả nhất.
- Đầu tư vốn hướng tới mục tiêu tận dụng hết khả năng nhân lực hiện tại, đồng thời mang lại tích lũy nhanh. Các hoạt động đầu tư sẽ nhắm tới các công ty, các dự án mang tính chiến lược và có nhiều khả năng thu lợi nhuận lớn.

❖ Thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí

- Tuyên truyền vận động cán bộ công nhân viên tiết kiệm chi phí điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại...
- Rà soát định mức tiêu hao nhiên liệu cho xe điều hành, xây dựng lại quy trình điều động xe đi công tác khoa học, hợp lý, tiết kiệm, không bị chổng chéo. Hạn chế đầu tư xe điều hành khi không cần thiết.

3.2. Giải pháp về tìm kiếm phát triển thị trường

- Công tác tìm kiếm, phát triển thị trường là một trong những nhiệm vụ trọng tâm và đề ra các giải pháp cụ thể như:
- Tích cực tìm kiếm phát triển thị trường trong phạm vi trong và ngoài tỉnh Sóc Trăng chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.



- Tiếp tục củng cố và giữ vững các thị trường, địa bàn đã có và mở rộng các địa bàn.
- Tăng cường hợp tác bằng các hình thức liên danh liên kết với các công ty bạn, xây dựng mối quan hệ tốt với các đối tác tránh rủi ro trong tìm kiếm việc làm.

3.3. Nhóm giải pháp về nguồn nhân lực

Công ty tập trung nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sử dụng nguồn nhân lực; bao gồm việc phân công lao động hợp lý; thường xuyên định biên đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên; thực hiện và đảm bảo các chế độ, chính sách cho người lao động.

❖ Về phân công lao động hợp lý:

- Để có cơ sở phân công lao động hợp lý, Công ty thường xuyên đánh giá năng lực cán bộ, nhân viên. Việc đánh giá năng lực của cán bộ, nhân viên được thực hiện hàng năm để đánh giá các chỉ tiêu hiệu quả làm việc, bên cạnh đó cũng thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, nhân viên.
- Xây dựng bảng mô tả công việc cho từng chức danh công việc. Trên cơ sở đó, Công ty sắp xếp, bố trí, sử dụng đúng khả năng, phù hợp với nguyện vọng, năng lực và tạo điều kiện cho cán bộ, nhân viên nâng cao trình độ, phát huy hết khả năng của mình. Việc phân công lao động hợp lý sẽ giúp cho việc kiểm soát, quản lý và điều hành được hiệu quả.

❖ Thường xuyên định biên đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên:

- Định kỳ hàng năm, Công ty tiến hành định biên nhân sự bao gồm cán bộ quản lý và nhân viên lao động gián tiếp. Trên cơ sở đó có sự điều chỉnh cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển.
- Tiến hành định biên nhân sự ở từng phòng ban sao cho phù hợp, đảm bảo bộ máy quản lý gọn nhẹ và hiệu quả cao.

❖ Đảm bảo các chế độ chính sách và khuyến khích người lao động:

- Để khuyến khích người lao động làm việc một cách tự giác, hết mình, phát huy hết khả năng của mình, Công ty có chính sách khuyến khích và có chế độ ưu đãi đối với người lao động, cụ thể là:
 - ✓ Chăm lo, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp, đảm bảo công ăn việc làm, thu nhập và từng bước nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho người lao động; thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động.
 - ✓ Đổi mới chế độ lương, thưởng; xây dựng chế độ lương, thưởng hợp lý, khoa học, bảo đảm công bằng trong phân phối và phù hợp với tốc độ tăng năng suất lao động, xứng đáng với công sức lao động mà người lao động bỏ ra.

- ✓ Xem xét hình thức trả lương theo kết quả công việc, trên cơ sở xác định chính xác giá trị công việc, độ phức tạp của công việc, điều kiện đặc thù của công việc với các yếu tố thực tế.
- ✓ Tạo điều kiện thuận lợi cho những cán bộ có năng lực được công nhận và phát triển. Có chính sách đãi ngộ đối với người lao động có đóng góp đặc biệt vào hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Nâng cao hiệu quả công tác tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự:
Công tác tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự là hoạt động quản lý nhân lực quan trọng. Trong quá trình tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự cần lựa chọn những cá nhân thích hợp, có đầy đủ trình độ chuyên môn và phẩm chất đạo đức. Công ty xem xét thực hiện các nội dung sau:
 - ✓ Thực hiện đúng quy trình tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự, đánh giá đúng trình độ, năng lực của ứng viên, lựa chọn những người có năng lực thực sự và phù hợp với công việc góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và hiệu quả kinh doanh.
 - ✓ Cán bộ được bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo, quản lý, ngoài khả năng chuyên môn, cần đánh giá tư chất lãnh đạo qua khả năng thu hút đám đông, có uy tín với đồng nghiệp, cá tính phù hợp như phải quyết đoán, dũng cảm, khách quan, có khả năng tiếp thu các vấn đề khó, phức tạp, sẵn sàng nhận nhiệm vụ, dám nhận trách nhiệm.
 - ✓ Thực hiện tốt công tác tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự. Công ty sẽ xây dựng được một đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, năng lực giỏi, thành thạo trong việc sử dụng trang thiết bị mới và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất kinh doanh; tạo điều kiện để làm tinh gọn bộ máy quản lý, giảm chi phí và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực:
Để nắm bắt nhanh các cơ hội kinh doanh, đồng thời thích ứng và đối phó hiệu quả với những thách thức thường xuyên của thị trường, Công ty thực hiện công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực như sau:
 - ✓ Thường xuyên tạo điều kiện cho cán bộ, nhân viên được nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng tay nghề thông qua việc tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng. Thực hiện tốt công tác đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao để người lao động thực hiện tốt nhiệm vụ, công việc theo yêu cầu nhằm hoàn thành khối lượng, chất lượng công việc được giao cho Công ty.
 - ✓ Tiếp tục tuyển dụng và đào tạo đội ngũ cán bộ có kiến thức mới; có kế hoạch bổ sung thay thế và nâng cao chất lượng lao động trên cơ sở thực hiện tốt công tác đào tạo kết hợp với việc tuyển dụng mới lao động được đào tạo



cơ bản. Đặc biệt chú trọng đến đội ngũ cán bộ trẻ, coi đó là việc đầu tư cho tương lai.

- ✓ Công ty có biện pháp hỗ trợ nguồn nhân lực tại các chi nhánh trực thuộc và nâng cao chất lượng đào tạo lao động nhằm xây dựng một lực lượng lao động chuyên nghiệp.

- Thu hút và sử dụng nhân tài:

Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút nhân tài từ bên ngoài vào Công ty:

- ✓ Xây dựng chính sách ưu đãi về tiền lương, tiền thưởng và các chính sách khuyến khích khác như bổ nhiệm, giao nhiệm vụ quan trọng, phương tiện đi lại... để thu hút chuyên gia trình độ cao và nhân tài.

- ✓ Thực hiện chính sách ưu tiên tuyển dụng đối với các đối tượng là sinh viên tốt nghiệp đại học đạt loại xuất sắc, loại giỏi chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí cần tuyển; người có bằng thạc sỹ tuổi đời dưới 30, chuyên gia trình độ cao có chuyên ngành đào tạo thuộc các chuyên ngành, lĩnh vực quản trị, kinh doanh quan trọng của Công ty.

- Thực hiện kế hoạch sử dụng nhân tài của Công ty

- ✓ Cụ thể hoá các cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước về nhân tài, tạo điều kiện để nhân tài phát triển, cống hiến cho Công ty và tự khẳng định mình để được xã hội tôn vinh.

- ✓ Thực hiện chính sách trọng dụng, đãi ngộ và tôn vinh nhân tài. Xây dựng chính sách đãi ngộ nhân tài như chế độ lương, điều kiện làm việc, khen thưởng, tôn vinh người có tài, người có công, bố trí sử dụng nhân tài; tạo môi trường làm việc và có chính sách khuyến khích những sáng kiến cải tiến có giá trị thực tiễn cao.

- ✓ Tiến hành đánh giá và có kế hoạch bố trí, sử dụng nhân tài một cách hợp lý. Cán bộ, nhân viên thuộc diện tài năng trẻ, nhân lực chất lượng cao được ưu tiên tạo điều kiện trong công tác, cụ thể như sau:

- Được bố trí, phân công công việc phù hợp với năng lực, sở trường, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
- Được ưu tiên tạo điều kiện về phương tiện làm việc, nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ.
- Được ưu tiên xem xét trong việc bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý của Công ty.

3.4. Nhóm giải pháp về quản trị doanh nghiệp

- ❖ Xây dựng và hoàn thiện hệ thống các Quy chế quản lý nội bộ



- Việc chuyển đổi Công ty từ loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang công ty cổ phần sẽ có những thay đổi nhất định trong tổ chức và điều hành hoạt động của Công ty. Ngay sau khi được chuyển đổi thành công ty cổ phần, Công ty sẽ triển khai xây dựng hệ thống các Quy chế quản lý nội bộ làm công cụ và cơ sở pháp lý nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành và tính chuyên nghiệp của Công ty. Công ty sẽ tiến hành xây dựng hoàn thiện hệ thống các quy chế thuộc các lĩnh vực:

- ✓ Quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.
- ✓ Quan hệ nội bộ Công ty.
- ✓ Quan hệ giữa Công ty với các công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- ✓ Quản lý tuyển dụng, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.

- Việc xây dựng và hoàn thiện các Quy chế quản lý nội bộ giúp Công ty có được một hệ thống hoàn chỉnh các văn bản quy định về tổ chức, hoạt động, chế độ, chính sách tạo hành lang pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Công ty. Các Quy chế cũng là cơ sở để xem xét trách nhiệm của các đơn vị và cá nhân trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được Công ty giao và giúp cho hoạt động quản lý, điều hành được nhịp nhàng và thông suốt.

❖ **Nâng cao năng lực hoạt động cho các chi nhánh**

Các chi nhánh có vị trí và vai trò quan trọng trong việc mở rộng thị trường, nâng cao năng lực kinh doanh của Công ty. Do đó, Công ty phải tập trung thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao năng lực hoạt động cho các đơn vị này, cụ thể là:

- Các phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và hướng dẫn nghiệp vụ cho các chi nhánh trong việc thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- Công ty sẽ có đầu tư đúng mức về nhân lực, thiết bị và việc làm để các đơn vị này phát triển theo hướng chuyên môn hóa lĩnh vực và trở thành lực lượng nòng cốt của Công ty.
- Phân cấp quản lý và quy định trách nhiệm cho các chi nhánh phù hợp với quy mô, địa bàn hoạt động để các đơn vị được chủ động trong sản xuất, kinh doanh.

❖ **Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý**

- Công nghệ thông tin đóng một vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng và đã chứng tỏ tầm ảnh hưởng rất lớn đến mọi mặt của đời sống xã hội, đặc biệt là hoạt động quản lý kinh doanh của doanh nghiệp.
- Để phát huy vai trò của công nghệ thông tin trong quản lý kinh doanh, Công ty cần đẩy mạnh hơn nữa việc ứng dụng công nghệ thông tin, vừa để tạo ra những biến chuyển mang tính bước ngoặt trong sản xuất, vừa góp phần giảm nhẹ các



thù tục hành chính, nâng cao chất lượng công tác quản lý điều hành và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Công ty đề ra các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý như sau:

- ✓ Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, kinh doanh bao gồm các nội dung chủ yếu như: hệ thống thư điện tử; hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành; số hóa nguồn thông tin ở dạng số theo thứ tự ưu tiên về thời gian và tầm quan trọng; tăng cường sử dụng văn bản điện tử; phát triển và cung cấp thông tin trực tuyến; thông tin công khai về tuyển dụng, chế độ lương, hưu, bảo hiểm, khen thưởng và kỷ luật.
- ✓ Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin; tiếp tục xây dựng, bồi dưỡng kiến thức công nghệ thông tin cho cán bộ, công nhân viên; nghiên cứu xây dựng chế độ ưu đãi đối với cán bộ, công nhân viên chuyên trách về công nghệ thông tin; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và đẩy mạnh ứng dụng đào tạo trực tuyến cho cán bộ, công nhân viên.
- ✓ Đầu tư thiết bị công nghệ thông tin một cách đồng bộ; trang bị sử dụng một số phần mềm chuyên dụng để ứng dụng vào quản lý, kinh doanh như: phần mềm dùng chung quản lý văn bản, phần mềm quản lý nhân sự - lao động, phần mềm quản lý vật tư - thiết bị để giảm thiểu việc sử dụng giấy tờ; khuyến khích cán bộ, công nhân viên khai thác thông tin trên môi trường mạng phục vụ công tác.
- ✓ Tăng cường và khuyến khích sử dụng các hình thức truyền thông cơ bản như thư điện tử, điện thoại, fax; đưa thông tin lên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của Công ty để trao đổi thông tin ở khoảng cách xa, tạo thói quen làm việc của cán bộ, công nhân viên trên môi trường mạng và hệ thống thông tin trợ giúp nhằm thay thế văn bản giấy.
- ✓ Từng bước tích hợp các hệ thống thông tin, tiếp tục xây dựng và mở rộng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành chung của Công ty.

❖ **Thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí**

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; nâng cao nhận thức, tạo ra chuyên biến về hành động cụ thể trong cán bộ công nhân viên và người lao động của Công ty về công tác đấu tranh, chống tham nhũng, lãng phí. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giám sát, thanh tra, kiểm tra; kiện toán tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát nội bộ; tăng cường nâng cao vai trò của người đại diện quản lý vốn của Công ty tại các công ty cổ phần trong quản lý vốn, tài sản của nhà nước. Tăng cường công tác quản lý, chấp hành nghiêm các quy định của pháp



luật, xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh...; Ra soát, tiết giảm chi phí quản lý, chi phí sản xuất kinh doanh ở tất cả các khâu.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng, tập trung vào các biện pháp phòng ngừa. Quan tâm đến các lĩnh vực nhạy cảm để phát sinh tiêu cực, lãng phí như quản lý tiền hàng; đầu tư xây dựng; quản lý đất đai...; tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạt động của Công ty; xử lý kịp thời, nghiêm minh những trường hợp vi phạm.

3.5. Nhóm giải pháp về sắp xếp tổ chức bộ máy

❖ Sắp xếp, tổ chức lại bộ máy giúp việc

Việc tổ chức lại các phòng, ban đảm bảo phù hợp giữa chức năng, lĩnh vực quản lý và bộ phận quản lý sao cho tất cả các chức năng và lĩnh vực quản lý đều có phòng ban, nhân viên phụ trách và mỗi một phòng ban, nhân viên đều có công việc phụ trách. Việc tổ chức lại bộ máy giúp việc được thực hiện theo hướng sau:

- ✓ Nghiên cứu làm tinh gọn bộ máy, giảm được các mối quan hệ công tác, đồng thời tiết kiệm các chi phí, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý.
- ✓ Nghiên cứu thành lập Bộ phận kiểm soát nội bộ để thực hiện chức năng giúp lãnh đạo Công ty quản lý hữu hiệu và hiệu quả hơn các nguồn lực góp phần hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh, đồng thời giúp xây dựng một nền tảng quản lý vững chắc phục vụ cho quá trình mở rộng sản xuất và phát triển của ông ty.

❖ Sắp xếp, tổ chức lại các Xi nghiệp, đơn vị trực thuộc

Việc sắp xếp, tổ chức lại các Xi nghiệp được thực hiện theo hướng chuyên môn hóa lĩnh vực hoạt động cho các Xi nghiệp để nâng cao năng lực và sức cạnh tranh trên thị trường, tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy mới.

3.6. Giải pháp về công tác chính trị, tư tưởng, đoàn thể

- Đảng bộ Công ty thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đưa ra các đường lối, chủ trương, các biện pháp, giải pháp cụ thể để thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ Đảng viên, người lao động thực hiện đúng đường lối chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
- Tăng cường giáo dục đội ngũ CBCNV phát huy truyền thống trên 20 năm phát triển và trưởng thành của Công ty để đưa Công ty ngày càng phát triển một cách vững chắc.



- Tổ chức Công đoàn thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đưa ra các giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kinh tế xã hội Công ty đề ra; động viên tinh thần đối với người lao động thuộc tổ chức mình để họ phấn khởi yên tâm thi đua lao động.
- Phát động các phong trào thi đua nhằm động viên các bộ phận, đơn vị hoàn thành nhiệm vụ; Khen thưởng kịp thời về vật chất và tinh thần cho các đơn vị, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.
- Quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động bằng cách thường xuyên tổ chức các hoạt động phong trào: Thể dục thể thao, văn hoá, văn nghệ ...



PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

PHẦN IV: PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT CỦA CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HÓA

Căn cứ Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 06/03/2017 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình đô thị tỉnh Sóc Trăng, phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của Công ty sau cổ phần hóa như sau:

Stt	Tên khu đất	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Số thửa, tờ bản đồ	Nguồn gốc đất	Hồ sơ pháp lý	Hình thức sử dụng đất sau khi cổ phần hóa	Mục đích sử dụng đất sau khi cổ phần hóa
1	Trụ sở Công ty	Quốc lộ 1A, phường 12, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	2.948,4	Thửa số 34, tờ bản đồ số 01	Nhà nước cho thuê đất	Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 09/01/2013 của UBND tỉnh	Cho công ty thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm	Đất thương mại, dịch vụ
2	Trụ sở làm việc Xi nghiệp Môi trường	Số 170 Mạc Đình Chi, phường 9, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	553,0	Thửa số 20, tờ bản đồ số 05	Đất Nhà nước quản lý	-	Cho công ty thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm	Đất thương mại, dịch vụ
3	Trụ sở làm việc Xi nghiệp chiếu sáng	Số 17 đường Nguyễn Văn Trỗi, phường 1, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	129,5	Thửa số 96, tờ bản đồ số 01	Đất Nhà nước quản lý	Công văn số 110/CV.HC.04 ngày 03/02/2014 của Chủ tịch UBND Tỉnh	Cho công ty thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm	Đất thương mại, dịch vụ
4	Trụ sở làm việc Xi nghiệp Quản lý Công trình đô thị thị xã Vĩnh Châu	Đường Phan Thanh Giản, khu 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	599,8	Thửa số 144, tờ bản đồ số 71	Đất Nhà nước quản lý	Biên bản số 03/BB-UBND ngày 22/3/2013 của UBND thị xã Vĩnh Châu	Cho công ty thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm	Đất thương mại, dịch vụ



PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Stt	Tên khu đất	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Số thửa, tờ bản đồ	Nguồn gốc đất	Hồ sơ pháp lý	Hình thức sử dụng đất sau khi cổ phần hóa	Mục đích sử dụng đất sau khi cổ phần hóa
5	Khu đất thực hiện dự án Nhà máy xử lý chất thải rắn thành phố Sóc Trăng và các vùng lân cận	Xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú và xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	276.568,7	Thửa số 850, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú và thửa số 761, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của UBND tỉnh	Cho Công ty thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm đối với 252.176 m ² đất xây dựng nhà máy. Giao Công ty quản lý 24.392,7 m ² đất xây dựng đường vào và đất thủy lợi (Công ty có trách nhiệm quản lý hạ tầng giao thông và duy tu, bảo dưỡng trong quá trình quản lý, sử dụng)	Đất bãi thải, xử lý chất thải
6	Khu đất thực hiện dự án Nhà máy xử lý nước thải thành phố Sóc Trăng	Phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	68.269,4	Thửa số 24 tờ bản đồ số 45 và thửa số 65 tờ bản đồ số 46	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Quyết định số 755/QĐHC-CTUBND ngày 30/05/2006 của UBND tỉnh	Cho công ty thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm	Đất bãi thải, xử lý chất thải



PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Stt	Tên khu đất	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Số thửa, tờ bản đồ	Nguồn gốc đất	Hồ sơ pháp lý	Hình thức sử dụng đất sau khi cổ phần hóa	Mục đích sử dụng đất sau khi cổ phần hóa
7	Khu đất thực hiện dự án An Viên Thiên đường Sóc Trăng	Xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	193.626,8	Thửa số 1290 và thửa 1291, tờ bản đồ số 08	Đất Nhà nước quản lý	Thông báo số 25/TB-VP ngày 09/05/2011 của Văn phòng UBND tỉnh	<p>Giao Đất cho Công ty theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với: 98.796,2 m² đất xây dựng khu mộ chôn có kinh doanh, 5.536,6 m² đất làm nhà xưởng, đúc kim tinh, khu hòa táng, 298,3 m² đất nhà tang lễ, 72.35 m² đất xây dựng nhà quản lý.</p> <p>Giao đất cho công ty quản lý đầu tư xây dựng hạ tầng đối với 24.176,4 m² đất xây dựng khu mộ chôn cho các đối tượng chính sách, 11.111,55 m² đất xây dựng công viên, 7.997,1 m² đất hồ xử lý sinh học và 44.598,3 m² đất đường giao thông nội bộ.</p> <p>Giao chính quyền địa phương quản lý 1.040,0 m² đất thủy lợi (chạy ngang qua khu đất).</p>	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, thủy lợi



PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Stt	Tên khu đất	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Số thửa, tờ bản đồ	Nguồn gốc đất	Hồ sơ pháp lý	Hình thức sử dụng đất sau khi cổ phần hóa	Mục đích sử dụng đất sau khi cổ phần hóa
8	Khu viên phố Sóc Trăng	Đường Bạch Đằng, Phường 9, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	231.602,2	Thửa số 134 tờ bản đồ số 24 diện tích 65.486,7m ² ; thửa số 82 tờ bản đồ số 35, diện tích 141.020,4m ² và thửa số 133 tờ bản đồ số 24, diện tích 25.095,1m ²	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất 206.507,1m ² , nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất 25.095,1m ²	Quyết định số 171/QĐ-UBND ngày 12/10/2007 của UBND tỉnh	Giao UBND thành phố Sóc Trăng quản lý 206.507,1m ² đất thuộc thửa đất số 134 tờ bản đồ số 24 và thửa số 82 tờ bản đồ số 35. Cho công ty thuê đất theo hình thức trả tiền thuê đất hàng năm đối với 25.095,1m ² đất thuộc thửa số 133, tờ bản đồ số 24	Đất cơ sở văn hóa và đất chi nông nghiệp khác

Nguồn: Công ty



PHẦN V: DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN

Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, điều lệ công ty đại chúng và các văn bản pháp luật hiện hành. Dự thảo Điều lệ công ty cổ phần được đính kèm theo phương án.

(file đính kèm)

PHẦN VI: TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT

Sau khi phương án cổ phần hóa của Công ty được phê duyệt và có quyết định chuyển thành công ty cổ phần, Công ty sẽ triển khai thực hiện phương án theo lịch trình dự kiến như sau:

Bảng 17: Lộ trình tổ chức thực hiện phương án cổ phần hóa

Stt	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến
1	Nhận quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa	T
2	Tổ chức bán đấu giá cổ phần ra công chúng	T+45
3	Tổ chức bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược	T+40 đến T+55
4	Tổ chức bán cổ phần ưu đãi cho người lao động, Công đoàn Công ty	T+40 đến T+55
5	Báo cáo Ban chỉ đạo cổ phần hóa kết quả bán cổ phần và xử lý số cổ phần không bán hết	T+60
6	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua điều lệ, bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	T+61 đến T+80
7	Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc	T+81
8	Thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh, xin cấp con dấu mới, tiến hành in sổ chứng nhận sở hữu cổ phần	T+82 đến T+89
9	Tổ chức lễ ra mắt công ty cổ phần và công bố thông tin theo quy định	T+90
10	Thực hiện bàn giao quyết toán	T+120



PHẦN VII: KIẾN NGHỊ VÀ KẾT LUẬN

Thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng là phù hợp với chủ trương của Nhà nước và cần thiết để Công ty mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, huy động vốn của mọi tầng lớp và nâng cao tính tự lực, tinh thần trách nhiệm của người lao động gắn lợi ích của mình với lợi ích của Công ty, với chức năng nhiệm vụ là đơn vị cung ứng các dịch vụ công ích cho xã hội, việc cổ phần hóa là nhiệm vụ cần phải thực hiện trong tiến trình hiện đại hóa đất nước, thực hiện công tác xã hội hoá đối với lĩnh vực công ích nói chung và góp phần tôn tạo mỹ quan cho Đô thị thành phố theo mục tiêu ngày càng sáng – xanh – sạch – đẹp;

Kiến nghị:

- Khi chuyển sang Công ty cổ phần Công ty được tiếp tục đặt hàng khối lượng công ích 3 năm để nhằm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, kiện toàn bộ máy tổ chức và việc làm của người lao động sau cổ phần;

- UBND tỉnh và các Ngành chức năng tạo điều kiện cho Công ty được hưởng các chế độ chính sách về ưu đãi đầu tư và hoạt động sau cổ phần hóa;

Kính đề nghị Ban chỉ đạo cổ phần hóa xem xét trình Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng phê duyệt Phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng để triển khai thực hiện các bước cổ phần hóa tiếp theo./.

Sóc Trăng, ngày tháng năm 2017

CHỦ TỊCH KIỂM TÓNG GIÁM ĐỐC



Lâm Hữu Cường

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Sóc Trăng;
- Ban chỉ đạo CPH;
- Tổ giúp việc;
- Ban Tổng giám đốc;
- Kiểm soát viên;
- Các phòng nghiệp vụ;
- Lưu: VP, VT.